

BÀI 14: ĐÔNG NAM Á - ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Mô tả và trình bày vị trí, phạm vi lãnh thổ của khu vực Đông Nam Á.
- Trình bày được đặc điểm tự nhiên khu vực Đông Nam Á.
- Phân tích ảnh hưởng của địa hình đối với khí hậu của khu vực

2. Năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên để giải thích một số đặc điểm về khí hậu, chế độ nước sông và cảnh quan khu vực.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích lược đồ, bản đồ và biểu đồ để nhận biết vị trí khu vực ĐNÁ trong châu lục và trên thế giới, rút ra ý nghĩa của vị trí cầu nối của khu vực về kinh tế và quân sự.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Có thái độ khách quan, khoa học khi giải thích những đặc điểm tự nhiên một khu vực, có thái độ bảo vệ môi trường.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ môi trường tự nhiên.
- Chăm chỉ: Tìm hiểu, phân tích các điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.
- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với các quốc gia thường xuyên chịu nhiều thiên tai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Một số lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,...
- Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa Pa-đăng và Y-an- gun
- Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- HS được hiểu biết về vị trí khu vực và ý nghĩa của vị trí cầu nối ảnh hưởng đến đặc điểm tự nhiên
- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

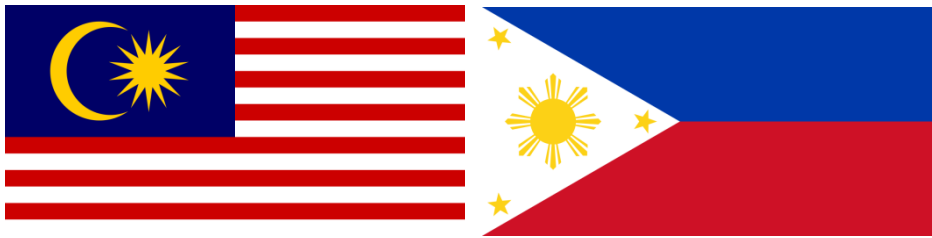
HS dựa vào hình ảnh GV cung cấp và đoán tên các quốc gia.

c) Sản phẩm:

HS nêu được tên các quốc gia: In-đô-nê-xi-a; Phi-lip-pin; Việt Nam; Sing-ga-po; Ma- lai-xi-a.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là những địa điểm ở khu vực nào?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí và giới hạn khu vực ĐNÁ (10 phút)

a) Mục đích:

Trình bày được ĐNÁ gồm bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai, là cầu nối giữa ÁĐD và TBD. Ý nghĩa quan trọng về kinh tế và quốc phòng.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các câu hỏi

- Cho biết vị trí, giới hạn của khu vực ĐNÁ: Nằm ở phía Đông Nam của lục địa Á – Âu. Diện tích: khoảng 4,5 triệu km². ĐNÁ gồm phần đất liền là bán đảo Trung Ấn và phần hải đảo là quần đảo Mã lai. HS xác định vị trí trên bản đồ.
- Ý nghĩa vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á: Khu vực có ý nghĩa lớn về kinh tế quân sự.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát bản đồ khu vực ĐNÁ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho biết vị trí, giới hạn của khu vực ĐNÁ và xác định trên bản đồ. - Nêu ý nghĩa vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Vị trí và giới hạn của khu vực ĐNÁ</p> <ul style="list-style-type: none"> - ĐNÁ gồm bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai - Là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Á và Châu Đại Dương * Ý nghĩa: quan trọng về kinh tế và quân sự

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên (25 phút)

a) Mục đích:

Nêu được đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan của bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành bảng thông tin

Yếu tố TN	Bán đảo Trung Án	Quần đảo Mã Lai
Địa hình	- Chủ yếu là núi cao hướng B-N, ĐB-TN, các cao nguyên thấp - Các thung lũng sông chia cắt địa hình - Đồng bằng màu mỡ phân bố ở hạ lưu sông, ven biển, dân cư đông đúc nguồn lao động dồi dào	- Hệ thống núi vòng cung, nhiều núi lửa - Đồng bằng ven biển
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa, bão mùa hè thu (Y-an-gun)	Xích đạo và nhiệt đới gió mùa (Pa-đăng), nhiều bão
Sông ngòi	Sông ngòi phát triển, có nhiều sông lớn, chế độ nước phụ thuộc vào mùa mưa	Ngắn dốc, nhỏ, chế độ nước điều hòa, có giá trị thủy điện
Cảnh quan	Rừng nhiệt đới và rừng thưa, xa van	Rừng rậm 4 mùa xanh quanh năm

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ hoàn thành bảng thông tin:</p> <p>* Nhóm 1, 2: Dựa vào H14.1 và thông tin SGK tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của bán đảo Trung Án</p> <p>* Nhóm 3, 4: Dựa vào H14.1 và 2 biểu đồ H14.2 tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của quần đảo Mã Lai.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p>	<p>2. Đặc điểm tự nhiên</p> <p>Bảng phụ</p>

<p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p> <p>* Liên hệ các trận động đất, núi lửa xảy ra ở khu vực Đông Nam Á trong những năm qua.</p> <p>* Lòng ghép giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường</p>	
---	--

Bảng thông tin

Yếu tố TN	Bán đảo Trung Ấn	Quần đảo Mã Lai
Địa hình		
Khí hậu		
Sông ngòi		
Cảnh quan		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) *Sản phẩm:* Đưa ra đáp án dựa trên kiến thức bài học

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Vẽ sơ đồ tư duy về các điều kiện tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm đôi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm lên bảng vẽ nhanh chóng, đơn giản. Đại diện nhóm khác nhận xét, HS hoàn thiện vào vở.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích*: Hệ thống lại kiến thức về khu vực Đông Nam Á

b) *Nội dung*: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm*: Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Hãy sưu tầm một số video, hình ảnh và viết một đoạn thông tin nói về những ảnh hưởng của thiên tai ở khu vực Đông Nam Á.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới
-
-

BÀI 15: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội của khu vực Đông Nam Á
- So sánh được các điểm tương đồng và khác biệt về mặt xã hội của các nước trong khu vực và nhận định được những thuận lợi của khu vực.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích và nhận xét được các bảng số liệu thống kê về dân số của khu vực Đông Nam Á
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Dựa vào lược đồ, xác định sự phân bố dân cư của khu vực Đông Nam Á.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Đánh giá được các thế mạnh và hạn chế của dân cư xã hội Đông Nam Á.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có ý thức chấp hành chính sách dân số và bảo vệ môi trường. Trân trọng các giá trị văn hóa đặc trưng của các nước
- Chăm chỉ: Biết được các đặc điểm về dân cư và xã hội của khu vực Đông Nam Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ phân bố dân cư châu Á
- Bảng số liệu, phiếu học tập

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát hình ảnh trang phục truyền thống của các nước

c) Sản phẩm:

HS nêu được tên các quốc gia: Campuchia; Lào; Singgapo; Indônêxia; Thái Lan; Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là trang phục truyền thống của các quốc gia nào?





Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu dân số ĐNÁ so với châu Á và thế giới (7 phút)

a) Mục đích:

Biết được số dân, mật độ dân số, tỉ lệ gia tăng của khu vực so với châu Á và thế giới

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm*: HS hoàn thành các câu hỏi

d) *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ, phân tích bảng số liệu và trả lời các câu hỏi:</p> <p>So sánh số dân, mật độ dân số trung bình, tỉ lệ tăng dân số hàng năm của khu vực so với châu Á và thế giới.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Đặc điểm dân cư</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số ĐNÁ đông. - MĐDS thuộc loại cao so với thế giới và tương đương với châu Á. - Tỉ lệ gia tăng dân số cao.

Một số tiêu chí về dân số của Đông Nam Á, châu Á và thế giới năm 2002 và năm 2017

Lãnh thổ	Dân số (triệu người)		Mật độ dân số (người/km ²)		Tỉ lệ gia tăng tự nhiên (%)	
	Năm 2002	Năm 2017	Năm 2002	Năm 2017	Năm 2002	2015 - 2020
Đông Nam Á	536	644	119	149	1,5	1,11
Châu Á*	3766	4494	85	146	1,3	0,95
Thế giới	6215	7536	46	58	1,3	1,09

Hoạt động 2 : Tìm hiểu tên các nước, dân số, thủ đô, sự phân bố dân cư, ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế xã hội (15 phút)

a) Mục đích:

Biết được tên nước, thủ đô, sự phân bố dân cư, ý nghĩa của dân số đông đối với phát triển kinh tế xã hội.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập.

1. ĐNÁ có 11 quốc gia

2. Tên nước, thủ đô:

Tên quốc gia	Thủ đô
Việt Nam	Hà Nội
Thái Lan	Băng Cốc
Mianma	Yangon
Malaixia	Cuala Lămpơ
Singapo	Singapo
Philipin	Manila

Tên quốc gia	Thủ đô
Indônêxia	Giacacta
Brunây	Bandă Xêri Bêgaoan
Đông timo	Đili
Lào	Viên Chăn
Campuchia	Pnôm Pênh

3. Nhận xét diện tích và dân số của nước ta so với các nước trong khu vực

- Diện tích: Chiếm diện tích tương đối

- Dân số: dân số đông, mật độ dân số cao.

4. Các ngôn ngữ được dùng phổ biến ở khu vực: Anh, Hoa và Mã Lai.

5. Nhận xét sự phân bố dân cư của khu vực : Phân bố dân cư không đều.

+ Tập trung ở các đồng bằng châu thổ, các thành phố và vùng ven biển.

+ Sâu trong nội địa phần bán đảo và các đảo dân cư tập trung ít hơn

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát bản đồ, phân tích bảng số liệu 15,2 và hoàn thành phiếu học tập:</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Phân bố chủ yếu ở ven biển và đồng bằng.</p> <p>- Dân số trẻ, nguồn lao động dồi dào.</p>

Một số tiêu chí của các nước Đông Nam Á năm 2017 [trang 52]

Tên nước	Diện tích (nghìn km ²)	Dân số (triệu người)	Tỉ lệ gia tăng dân số giai đoạn 2015 - 2020 (%)
Mi-an-ma	676,6	53,4	1,0
Cam-pu-chia	181,0	15,9	1,7
Lào	236,8	7,0	1,7
Việt Nam	331,0	93,7	1,1
Phi-líp-pin	300,0	105,0	1,5
Bru-nây	5,8	0,4	1,1
In-đô-nê-xi-a	1910,9	264,0	1,2
Xin-ga-po	0,7	5,7	0,4
Ma-lai-xi-a	330,8	31,6	1,2
Thái Lan	513,1	66,1	0,3
Đông Ti-mo	14,9	1,3	2,4

Phiếu học tập

1. ĐNÁ có quốc gia

2. Tên nước, thủ đô:

Tên quốc gia	Thủ đô

Tên quốc gia	Thủ đô

3. Nhận xét diện tích và dân số của nước ta so với các nước trong khu vực

- Diện tích:

.....

- Dân số:

.....

4. Các ngôn ngữ được dùng phổ biến ở khu vực:

.....

5. Nhận xét sự phân bố dân cư của khu vực:

.....

Hoạt động 3: Tìm hiểu đặc điểm xã hội (10 phút)

a) Mục đích:

Trình bày và giải thích được những nét tương đồng trong sinh hoạt, sản xuất, tập quán.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với kiến thức thực tế và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ĐNÁ có bao nhiêu tôn giáo? - Vì sao các nước lại có nét tương đồng về lịch sử đấu tranh và trong sinh hoạt, sản xuất? - Vì sao khu vực ĐNÁ bị nhiều đế quốc thực dân xâm chiếm? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>II. Đặc điểm xã hội</p> <p>Các nước trong khu vực có những nét tương đồng trong lịch sử đấu tranh, trong phong tục tập quán, sản xuất và sinh hoạt, vừa có sự đa dạng trong văn hóa từng dân tộc. Đó là những điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác toàn diện giữa các nước</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

Câu 1: Đọc và xác định tên nước và thủ đô các nước ĐNÁ: HS xác định trên lược đồ.

Câu 2: Về mặt xã hội các nước có những nét tương đồng về phong tục tập quán như: Cùng trồng lúa nước, dùng trâu bò làm sức kéo, lương thực chính là gạo

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: Đọc và xác định tên nước và thủ đô các nước ĐNÁ

Câu 2: Về mặt xã hội các nước có những nét tương đồng nào? Cho ví dụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về khu vực Đông Nam Á.

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu hiện nay các nước Đông Nam Á đã làm gì trong việc hợp tác để phát triển kinh tế, xã hội?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 16: ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm kinh tế khu vực Đông Nam Á
- Giải thích được vì sao khu vực này có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhưng không ổn định
- Phân tích được nguyên nhân vì sao khu vực có sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích được bảng số liệu về tình hình tăng trưởng kinh tế một số nước Đông Nam Á, tỷ trọng các ngành kinh tế của một số nước Đông Nam Á.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Quan sát và nhận xét được lược đồ phân bố nông nghiệp, công nghiệp khu vực Đông Nam Á.

- Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: Đánh giá hiện trạng kinh tế các nước, liên hệ kinh tế Việt Nam và đề xuất một số giải pháp phát triển kinh tế nhằm khai thác thế mạnh của các nước.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có ý thức xây dựng nền kinh tế đất nước, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Chăm chỉ: Tìm hiểu sự phát triển kinh tế của khu vực Đông Nam Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bảng số liệu cập nhật mới

- Lược đồ các ngành kinh tế Đông Nam Á.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS dựa vào kiến thức của bản thân để trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm:

HS nêu được các tài nguyên: đất phù sa, khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, nhiều khoáng sản, nguồn hải sản phong phú, ...

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: Các nước Đông Nam Á có tài nguyên phong phú để phát triển kinh tế. Em hãy kể tên một số tài nguyên mà em biết?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu tốc độ tăng trưởng kinh tế các nước Đông Nam Á (20 phút)

a) *Mục đích:*

Phân tích được tốc độ tăng trưởng kinh tế của một số nước. Trình bày được sự phát triển kinh tế Đông Nam Á

b) *Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và phân tích bảng số liệu để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:* HS hoàn thành các câu hỏi

d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với phân tích bảng số liệu và trả lời các câu hỏi:	I. Nền kinh tế của các nước Đông Nam Á phát triển khá nhanh song chưa vững chắc

<p>- Dựa vào kiến thức đã học cho biết thực trạng chung nền KT-XH các nước ĐNÁ.</p> <p>- Cho biết các nước ĐNÁ có những thuận lợi gì cho sự phát triển kinh tế?</p> <p>- Nhận xét tình hình tăng trưởng kinh tế một số nước qua các năm.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức. Liên hệ: Để phát triển bền vững, các nước cần chú trọng vấn đề gì? Bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế.</p>	<p>- Điều kiện thuận lợi: nhân công, tài nguyên, nông phẩm phong phú, vốn và công nghệ nước ngoài.</p> <p>- Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, song chưa vững chắc, dễ bị tác động từ bên ngoài, môi trường chưa được quan tâm đúng mức.</p>
--	---

Tăng trưởng kinh tế của một số nước Đông Nam Á qua các năm (% GDP tăng trưởng so với năm trước) (Đơn vị: %)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010	2015	2017
Tên nước							
In-đô-nê-xi-a	9,0	8,4	4,8	5,7	6,2	4,8	5,1
Ma-lai-xi-a	9,0	9,8	8,3	5,3	7,4	5,0	5,7
Phi-líp-pin	3,0	4,7	4,0	4,8	7,6	5,8	6,7
Thái Lan	11,2	8,1	4,4	4,2	7,5	2,8	4,0
Việt Nam	5,1	9,5	6,7	7,5	6,4	6,7	6,8
Xin-ga-po	8,9	7,0	9,9	7,5	15,2	2,0	3,7
Trung bình thế giới	2,9	3,0	4,3	3,8	4,3	2,5	3,1

Hoạt động 2 : Tìm hiểu cơ cấu kinh tế các nước Đông Nam Á. (15 phút)

a) Mục đích:

Trình bày được cơ cấu kinh tế và sự thay đổi cơ cấu kinh tế các nước Đông Nam Á.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung thảo luận nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát ... , phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 3 trả lời câu hỏi</p> <p>+ Nền kinh tế của một nước thuộc địa sẽ có đặc điểm gì? Đặc điểm đó gây ra những hậu quả như thế nào đến kinh tế các nước Đông Nam Á.</p> <p>+ Các nước Đông Nam Á đã làm gì để khôi phục nền kinh tế. Nêu các thành tựu đạt được của các nước Đông Nam Á.</p> <p>+ Cho biết tỉ trọng các ngành trong tổng sản phẩm trong nước của từng quốc gia Đông Nam Á tăng giảm như thế nào?</p> <p>* Nhóm 2, 4 trả lời câu hỏi</p> <p>+ Kể tên các cây trồng vật nuôi ở Đông Nam Á, nhận xét về sự phân bố cây trồng vật nuôi ở đây và giải thích tại sao có sự phân bố đó.</p> <p>+ Kể tên các ngành công nghiệp chủ yếu ở Đông Nam Á. Nhận xét về sự phân bố công nghiệp ở đây và giải thích nguyên nhân vì sao có sự phân bố đó.</p> <p>+ Kể tên các trung tâm công nghiệp đa ngành của khu vực Đông Nam Á. Xác định trên lược đồ.</p>	<p>II. Cơ cấu kinh tế đang có những thay đổi</p> <p>- Cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng công nghiệp hoá: tỉ trọng nông nghiệp giảm, công nghiệp và dịch vụ tăng.</p> <p>- Nông nghiệp: trồng nhiều lúa gạo, cây công nghiệp nhiệt đới (cao su, dầu cọ, dứa, cà phê, ca cao, hồ tiêu, mía...) và các loại hoa quả nhiệt đới.</p> <p>- Công nghiệp:</p> <p>+ Các ngành phát triển: khai khoáng (dầu khí, than, kim loại...), luyện kim, chế tạo máy, hoá chất, thực phẩm...</p> <p>+ Phân bố : đồng bằng, ven biển.</p> <p>II. Cơ cấu kinh tế đang có những thay đổi</p> <p>- Cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng công nghiệp hoá: tỉ trọng nông nghiệp giảm, công nghiệp và dịch vụ tăng.</p> <p>- Nông nghiệp: trồng nhiều lúa gạo, cây công nghiệp nhiệt đới (cao su, dầu cọ, dứa, cà phê, ca cao, hồ tiêu, mía...) và các loại hoa quả nhiệt đới.</p>

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Công nghiệp:</p> <p>+ Các ngành phát triển: khai khoáng (dầu khí, than, kim loại...), luyện kim, chế tạo máy, hoá chất, thực phẩm...</p> <p>+ Phân bố : đồng bằng, ven biển.</p>
--	---

Cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) phân theo ngành kinh tế của một số nước Đông Nam Á qua các năm (Đơn vị: %)

Nước	Nông nghiệp			Công nghiệp			Dịch vụ		
	Năm 1980	Năm 2000	Năm 2017	Năm 1980	Năm 2000	Năm 2017	Năm 1980	Năm 2000	Năm 2017
Cam-pu-chi a	46,6	37,8	24,9	13,6	23,0	32,8	39,8	39,2	42,3
Lào	39,7	52,9	18,3	14,1	22,8	34,9	46,2	24,3	46,8
Phi-líp-pin	25,1	14,0	9,7	38,8	34,5	30,4	36,1	51,5	59,9
Thái Lan	23,2	10,5	8,3	28,7	40,0	35,3	48,1	49,5	56,4

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: HS đưa ra đáp án theo tình thực tế hiện nay.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời câu hỏi sau:

Bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức đã dẫn đến hậu quả gì ở các nước Đông Nam Á?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về khu vực Đông Nam Á

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu một vài hiện tượng gây ô nhiễm môi trường xảy ra ở nước ta hoặc địa phương em trong quá trình phát triển kinh tế mà em biết? Theo em cần có những giải pháp nào để giải quyết các vấn đề đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV giới thiệu các địa điểm HS có thể tìm hiểu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới
-
-

BÀI 17: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt : HS biết được

- Sự ra đời và phát triển của hiệp hội các nước ASEAN
- Mục tiêu hoạt động và thành tích đạt được trong kinh tế do sự hợp tác của các nước.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích số liệu, tư liệu, ảnh để biết sự phát triển và hoạt động, những thành tựu của sự hợp tác trong kinh tế, văn hoá, xã hội của các nước khu vực Đông Nam Á.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích lược đồ các nước Đông Nam Á thành viên khi gia nhập Asean.

- Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: Thuận lợi và khó khăn đối với VN khi gia nhập hiệp hội các nước ASEAN.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường, xây dựng tình hữu nghị hòa bình trong khu vực.

- Chăm chỉ: Biết được sự thành lập và phát triển của Asean.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ các nước Đông Nam Á

- Tư liệu và tranh ảnh về các hoạt động kinh tế của các nước khu vực ĐNA.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Sự ra đời và phát triển của hiệp hội các nước ASEAN. Mục tiêu hoạt động và thành tích đạt được trong kinh tế do sự hợp tác của các nước.

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát ảnh và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm:

HS nêu được những đặc điểm chính của Asean theo hiểu biết của mình

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cho HS quan sát hình dưới đây, em biết gì về logo này?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu Hiệp hội các nước Đông Nam Á (10 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được quá trình thành lập, mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của các nước ASEAN. Giải thích nguyên nhân nhân tố chức này ra đời.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ các nước thành viên Asean để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với lược đồ các nước thành viên Asean và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệp hội các nước ĐNÁ thành lập vào thời gian nào? Mấy nước tham gia? VN gia nhập thời gian nào? - Số lượng các nước tham gia hiện nay? - Mục tiêu Hiệp hội có sự thay đổi qua các thời gian như thế nào? Nguyên tắc? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Hiệp hội các nước Đông Nam Á</p> <p>* Thời gian thành lập: 8-8-1967 (In-đô nê xi a, Ma-lai xi a, Phi lip pin, Thái Lan, Xin ga po)</p> <ul style="list-style-type: none"> - VN gia nhập hiệp hội vào 1995 - Hiện nay: có 10 nước thành viên <p>* Mục tiêu của hiệp hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 25 năm đầu: Hợp tác quân sự. + Đầu thập niên 90 của thế kỷ 20: Giữ vững hòa bình an ninh, ổn định, phát triển đồng đều. <p>* Nguyên tắc:</p> <p>Tự nguyện, tôn trọng chủ quyền của nhau, hợp tác toàn diện.</p>

Hoạt động 2 : Tìm hiểu sự hợp tác để phát triển kinh tế - xã hội (18 phút)

a) Mục đích:

Trình bày được những điều kiện thuận lợi để hợp tác và phát triển. Nêu được các biểu hiện của sự hợp tác để phát triển kinh tế.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung thảo luận nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát ... , phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p>	<p>II. Hợp tác để phát triển kinh tế- xã hội.</p> <p>* Biểu hiện của sự hợp tác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng tam giác tăng trưởng kinh tế.

<p>* Nhóm 1, 4: Các điều kiện thuận lợi để hợp tác và phát triển trong ASEAN.</p> <p>* Nhóm 2, 5: Biểu hiện của sự hợp tác để phát triển kinh tế.</p> <p>* Nhóm 3, 6: Các khó khăn của ASEAN trong quá trình hợp tác kinh tế - xã hội.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nước phát triển giúp đỡ nước chưa phát triển về đào tạo tay nghề, chuyển giao công nghệ. - Tăng cường trao đổi hàng hóa giữa các nước. - Xây dựng tuyến đường sắt, đường bộ đông sang tây. - Phối hợp khai thác, bảo vệ sông Mê Công <p>* Khó khăn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuối những năm 90 một số nước khủng hoảng kinh tế - Xung đột tôn giáo. - Thiên tai.
--	---

Hoạt động 3: Tìm hiểu Việt Nam trong ASEAN (8 phút)

a) Mục đích:

Biết được thành tựu và khó khăn thách thức của Việt Nam sau khi gia nhập hiệp hội ASEAN

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với kiến thức thực tế trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những lợi ích của Việt Nam khi tham gia Hiệp hội ASEAN? - Những khó khăn thử thách cần phải vượt qua? 	<p>III. Việt Nam trong ASEAN.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những lợi ích của Việt Nam khi tham gia Hiệp hội ASEAN: + Tốc độ tăng trưởng buôn bán cao + Tỷ trọng hàng hóa buôn bán với các nước cao.

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS (có thể hoạt động cặp đôi)</p>	<p>+ Các mặt hàng xuất nhập khẩu chính, kinh tế phát triển.</p>
<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p>	<p>+ Về lĩnh vực văn hóa xã hội và du lịch phát triển.</p>
<p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức</p>	<p>- Những khó khăn thử thách cần phải vượt qua: Thách thức về ngôn ngữ, thể chế chính trị, chênh lệch về KT, về mẫu mã và chất lượng các mặt hàng, ...</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

Câu 1: B ; **Câu 2:** A ; **Câu 3:** C ; **Câu 4:** C ; **Câu 5:** D ; **Câu 6:** C ; **Câu 7:** A

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời nhanh các câu hỏi sau:

Câu 1: Đông Nam Á là cầu nối giữa

A. Châu Á – Châu Âu

B. Châu Á – Châu Đại Dương

C. Châu Á – Châu Phi

D. Châu Á – Châu Mỹ.

Câu 2: Quốc gia nào ở Đông Nam Á vừa có lãnh thổ ở bán đảo vừa ở đảo?

A. Thái Lan

B. Ma-lai-xi-a

C. In-đô-nê-xi-a

D. Lào.

Câu 3: Quốc gia có diện tích nhỏ nhất ở Đông Nam Á là

A. Bru-nây

B. Đông Ti-mo

C. Xin-ga-po

D. Cam-pu-chia.

Câu 4: Khu vực Đông Nam Á hiện có bao nhiêu quốc gia?

A. 9

B.10

C.11

D.12

Câu 5: Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) thành lập vào:

A. 02 – 08 – 1964

B. 04 – 08 – 1965

C. 06 – 08 – 1966

D. 08 – 08 – 1967

Câu 6: Đến năm 1999, nước nào chưa gia nhập Hiệp hội?

A. Bru-nây

B. Mi-an-ma

C. Đông-ti-mo

D. Cam-pu-chia.

Câu 7: Việt Nam gia nhập ASEAN vào năm:

A. 1995

B. 1996

C. 1997

D.1998.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét. GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về các tổ chức kinh tế trên thế giới.

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Tìm kiếm thông tin.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Hiện nay, Việt Nam đã tham gia những tổ chức kinh tế -chính trị nào ở khu vực và thế giới?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới
-
-

BÀI 18: THỰC HÀNH

TÌM HIỂU LÀO VÀ CAMPUCHIA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt : HS cần

- Xác định được vị trí của Lào và Campuchia trên lược đồ.
- Phân tích được đặc điểm tự nhiên của Lào và Campuchia.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích bảng số liệu về đặc điểm tự nhiên của Lào và Campuchia.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích lược đồ tự nhiên Lào và Campuchia.

- Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: Thể hiện tinh thần dân tộc, đoàn kết cùng phát triển với các nước Lào và Campuchia.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thể hiện tinh thần dân tộc, đoàn kết cùng phát triển với các nước Lào và Campuchia.

- Chăm chỉ: Phân tích các đặc điểm về vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của Lào và Campuchia.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ các nước Đông Nam Á.

- Lược đồ tự nhiên của Lào và Campuchia.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát hình ảnh và nêu lên địa điểm được nhắc đến.

c) Sản phẩm:

Hs nêu được hình ảnh đang nhắc đến Lào và Campuchia.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là những địa điểm ở quốc gia nào?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí địa lí (15 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được vị trí của Lào và Campuchia trên lược đồ.
- Đánh giá khả năng liên hệ với nước ngoài của mỗi nước.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên Lào và Campuchia để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành bảng thông tin

Quốc gia	Lào	Căm-pu-chia
Vị trí - Giới hạn và ý nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 236800km² - Phía bắc giáp TQ, phía tây giáp Mi-an-ma, phía đông giáp VN, phía nam giáp CPC và Thái Lan => Nằm hoàn toàn trong nội địa. - Liên hệ với các nước khác chủ yếu = đường bộ. Muốn đi = đường biển phải thông qua các cảng biển ở miền Trung VN (Cửa lò, Vinh, Nghệ An) 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 181000 km² - Phía tây giáp Thái Lan, phía bắc giáp Lào, phía đông giáp VN và phía tây nam giáp biển. - Thuận lợi trong giao lưu với các nước trên thế giới cả = đường biển và đường bộ, đường sông.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên và hoàn thành bảng thông tin:</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>1. Tìm hiểu vị trí địa lí của Lào và Campuchia</p> <p>Hoàn thành bảng thông tin</p>

* Bảng thông tin:

Quốc gia	Lào	Cam-pu-chia
-----------------	------------	--------------------

Vị trí - Giới hạn và ý nghĩa	- Diện tích: - Tiếp giáp: - Khả năng liên hệ với nước ngoài:	- Diện tích: - Tiếp giáp: - Khả năng liên hệ với nước ngoài:
------------------------------------	--	---

Hoạt động 2 : Tìm hiểu điều kiện tự nhiên (20 phút)

a) Mục đích:

- Phân tích được đặc điểm tự nhiên của Lào và Campuchia.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành bảng thông tin

Quốc gia	Lào	Cam-pu-chia
Địa hình	Chủ yếu là núi và cao nguyên, chiếm 90% diện tích cả nước. Núi chạy theo nhiều hướng, cao nguyên chạy dài từ Bắc - Nam. Đồng bằng ở ven sông Mê – kông.	Chủ yếu là đồng bằng, chiếm 75% diện tích cả nước. Núi và cao nguyên bao quanh 3 mặt (Bắc, Tây, Đông)
Khí hậu	Nhiệt đới gió mùa, chia 2 mùa rõ rệt có 1 mùa mưa và 1 mùa khô	Nhiệt đới gió mùa, có 1 mùa mưa và 1 mùa khô

Sông ngòi	S. Mê-kông với nhiều phụ lưu lớn, nhỏ.	S. Mê-kông, Tông-lê-sap, Biển Hồ
Thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với phát triển nông nghiệp	<p>- Khí hậu thuận lợi cho cây cối phát triển, tăng trưởng nhanh. Sơn nguyên có giá trị lớn về thủy lợi, thủy điện, giao thông</p> <p>- Khó khăn: Diện tích đất canh tác ít, mùa khô thiếu nước nghiêm trọng</p>	<p>- Khí hậu thuận lợi cho trồng trọt, sông ngòi có giá trị lớn về thủy lợi, giao thông và nghề cá.</p> <p>- Khó khăn: Lũ lụt mùa mưa, thiếu nước mùa khô.</p>

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên, phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nhóm 1, 5 tìm hiểu địa hình * Nhóm 2, 6 tìm hiểu khí hậu * Nhóm 3, 7 tìm hiểu sông ngòi * Nhóm 4, 8 tìm hiểu thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với phát triển nông nghiệp <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>2. Đặc điểm tự nhiên</p> <p>HS hoàn thành bảng thông tin</p>

* Bảng thông tin:

Quốc gia	Lào	Căm-pu-chia
Địa hình		
Khí hậu		
Sông ngòi		
Thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với phát triển nông nghiệp		

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Hoàn thành bài thực hành

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho 2 HS chung bàn kiểm tra tiến độ và chất lượng bài thực hành.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS báo cáo xem có bao nhiêu bạn đã hoàn thành, đang hoàn thành và chưa hoàn thành bài tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV cho học sinh thời gian về nhà để hoàn thiện bài thực hành, tiết sau kiểm tra lại.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về Lào và Campuchia

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin và thuyết trình về 1 địa điểm du lịch/ 1 phong tục/ 1 món ăn đặc sản của Lào hoặc Campuchia.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV giới thiệu các địa điểm HS có thể tìm hiểu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 23: VỊ TRÍ, GIỚI HẠN,

HÌNH DẠNG CỦA LÃNH THỔ VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn (Các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây), phạm vi lãnh thổ của nước ta (bao gồm cả phần đất liền và phần biển, ghi nhớ diện tích đất tự nhiên của nước ta).
- Nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta về mặt tự nhiên, kinh tế - xã hội.
- Biết được đặc điểm lãnh thổ VN: Kéo dài từ Bắc đến Nam, đường bờ biển uốn cong hình chữ S, phần biển Đông thuộc chủ quyền VN mở rộng về phía đông và đông nam.

2. Năng lực

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

* Năng lực Địa Lí

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích bảng thông tin về các điểm cực, các tỉnh/ thành phố của Việt Nam.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ khu vực Đông Nam Á và bản đồ tự nhiên VN để xác định vị trí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ, nhận xét hình dạng lãnh thổ và nêu một số đặc điểm của biển VN.

- Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: Có được kiến thức tư duy về lãnh thổ tự nhiên và ý nghĩa của vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có tấm lòng tương thân tương ái và yêu chuộng hòa bình.
- Yêu nước: Yêu thiên nhiên quê hương đất nước
- Chăm chỉ: Biết được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ các nước Đông Nam á.
- Bản đồ tự nhiên VN

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

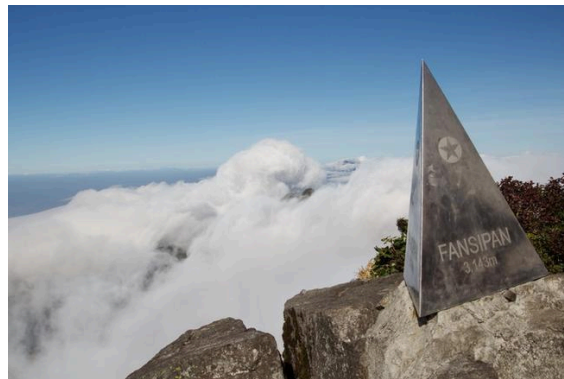
HS quan sát hình ảnh và đoán tên các địa điểm

c) Sản phẩm:

HS nêu được tên các địa danh qua hình ảnh: Cột cờ Lũng Cú, Vịnh Hạ Long, Mũi Cà Mau, Phanxipan.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là những địa điểm ở khu vực nào?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Vị trí và giới hạn lãnh thổ (15 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày và xác định được vị trí địa lí nước ta trên lược đồ Việt Nam.
- Nhận biết các bộ phận của lãnh thổ Việt Nam.

- Nêu được đặc điểm của vị trí địa lí về mặt tự nhiên và ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên Việt Nam và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích của VN. - Tọa độ các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của phần đất liền. - Các quốc gia tiếp giáp với Việt Nam. - Diện tích biển VN. Các vịnh biển, các quần đảo VN. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chốt kiến thức lãnh thổ nước ta gồm: Vùng đất liền, vùng biển và vùng trời.</p>	<p>I. Vị trí và giới hạn lãnh thổ:</p> <p>a) Vùng đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các điểm cực: (Bảng 23.2 sgk/84) - Giới hạn: <ul style="list-style-type: none"> + Từ Bắc -> Nam: Kéo dài > 15^o vĩ độ + Từ Tây -> Đông: Rộng 7 kinh độ - Diện tích phần đất liền : 331.1212km² - Thuộc múi giờ số 7 <p>b) Vùng biển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích > 1 triệu km² - Có hàng nghìn đảo lớn nhỏ và 2 quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa. <p>c) Vùng trời</p> <p>Là khoảng không gian bao la bao trùm lên lãnh thổ nước ta.</p> <p>d) Đặc điểm của vị trí địa lí VN về mặt tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc khu vực nội chí tuyến

	<ul style="list-style-type: none"> - Gần trung tâm ĐNA - Là cầu nối giữa ĐNA đất liền và ĐNA hải đảo - Là nơi tiếp xúc giữa các luồng gió mùa và các luồng sinh vật - Nước ta nằm trong miền nhiệt đới gió mùa, thiên nhiên đa dạng, phong phú, nhưng cũng gặp không ít khó khăn về thiên tai(Bão, lũ lụt, hạn hán) - Nằm gần trung tâm khu vực ĐNA nên thuận lợi trong việc giao lưu và hợp tác phát triển kinh tế.
--	--

*** *Nêu những đặc điểm của vị trí địa lí VN về mặt tự nhiên.*** HS dựa vào thông tin SGK/ 84 và trả lời.

Hoạt động 2: Đặc điểm lãnh thổ (20 phút)

a) Mục đích:

- Nhận diện được hình dạng về lãnh thổ của nước ta
- Trình bày được đặc điểm lãnh thổ nước ta.
- Đánh giá hình dạng lãnh thổ ảnh hưởng tới tự nhiên.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu lãnh thổ nước ta phần đất liền

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
-------------------------------	-------------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và hoàn thành các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đất liền nước ta kéo dài theo chiều Bắc – Nam dài bao nhiêu? - Nơi hẹp nhất theo chiều Đông - Tây? - Chiều dài đường biên giới trên đất liền? - Chiều dài đường bờ biển? <p>-> Hình dạng lãnh thổ Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng lãnh thổ có ảnh hưởng như thế nào tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động GTVT <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>II. Đặc điểm lãnh thổ:</p> <p>a) Phần đất liền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng lãnh thổ cong hình chữ S + Kéo dài từ Bắc -> Nam dài 1650km (15 vĩ độ) + Đường bờ biển hình chữ S: dài 3260km + Đường biên giới dài 4550km <p>-> kéo dài, hẹp ngang.</p>
--	---

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu đặc điểm biển Đông thuộc chủ quyền của nước ta.

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên đảo lớn nhất của nước ta là gì? Thuộc tỉnh nào? - Nêu tên quần đảo xa nhất của nước ta? Chúng thuộc tỉnh, thành phố nào? - Kể tên một số ngành kinh tế biển mà em biết? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p> <p>* Tích hợp giáo dục quốc phòng – an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo.</p>	<p>b) Phần biển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía đông và đông nam. - Có nhiều đảo và quần đảo. - Biển Đông có ý nghĩa chiến lược cả về phát triển kinh tế và quốc phòng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

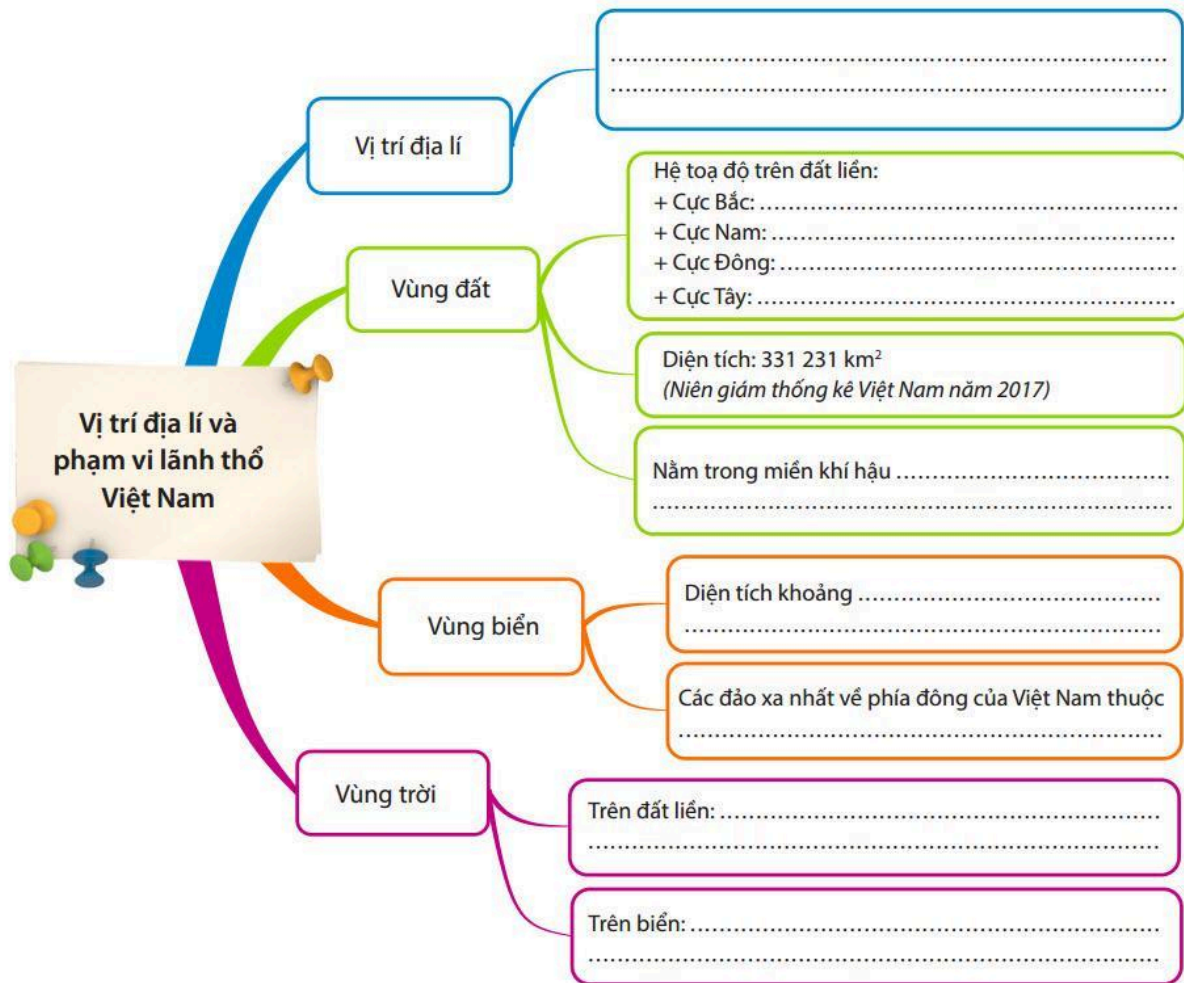
- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: HS đưa ra đáp án dựa vào kiến thức bài học.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và hoàn thiện sơ đồ về vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ VN.



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm và hoàn thành sơ đồ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về Việt Nam

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức liên hệ thực tiễn ở Việt Nam

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Giải thích vì sao nước ta có nguồn lợi thủy hải sản phong phú.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 24: VÙNG BIỂN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được một số đặc điểm của biển Đông và vùng biển nước ta.
- Đánh giá được một số tác động của biển Đông đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta .

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích các lược đồ nhiệt độ nước biển tầng mặt, dòng biển theo mùa trên biển Đông làm cơ sở để xác định thành phần và một số đặc điểm của vùng biển Việt Nam.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ, lược đồ khu vực Đông Nam Á, bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam để xác định và nhận xét về vị trí, giới hạn của biển Đông.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Phân tích được nguyên nhân cần thiết phải bảo vệ môi trường biển từ đó đề xuất giải pháp hợp lí.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Sử dụng hợp lí và bảo vệ môi trường vùng biển Việt Nam. Tham gia vào hoạt động trồng rừng ven biển, làm sạch vùng biển tại địa phương nếu có
- Chăm chỉ: Biết được các đặc điểm nổi bật về vùng biển Việt Nam
- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với các vùng thường xuyên chịu thiên tai từ biển

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ vùng biển và đảo Việt Nam.
- Tài liệu, tranh ảnh có liên quan.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS nghe bài hát và nêu cảm nhận của mình về bài hát

c) Sản phẩm:

HS nêu các cảm nhận tùy theo mình

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cho HS nghe bài hát Nơi đảo xa – Trọng Tấn: Sau khi nghe xong em có cảm nhận gì về biển đảo quê hương?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS nghe bài hát và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí và các đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam (20 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được vị trí, diện tích và các bộ phận của vùng biển Việt Nam.
- Nêu được các đặc điểm chung về tự nhiên của vùng biển Việt Nam.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các câu hỏi và bảng thông tin

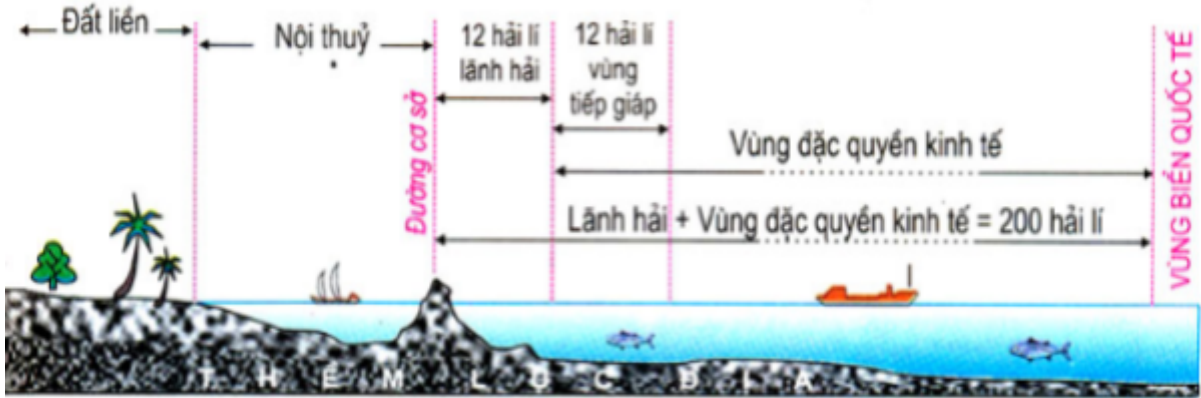
Các yếu tố tự nhiên		Đặc điểm
Khí hậu	Chế độ nhiệt	- Nhiệt độ trung bình năm của tầng nước mặt trên 23°C - Biên độ nhiệt năm nhỏ - Mùa hè mát mẻ, mà đông ấm áp
	Chế độ mưa	- Lượng mưa từ 1100-1300mm/năm - Mưa trên biển ít hơn trên đất liền
	Chế độ gió	- Gió thổi theo mùa: + Gió hướng Đông Bắc: chiếm ưu thế và hoạt động từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau

		+ Gió hướng Tây Nam hoạt động từ tháng 5 đến tháng 10
Hải văn	Dòng biển	- Dòng biển lạnh theo hướng Đông Bắc - Dòng biển nóng theo hướng Tây Nam
	Chế độ triều	- Nhật triều và bán nhật triều
	Độ muối	- Trung bình, khoảng 30 -33‰

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ vùng biển Việt Nam và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vị trí của biển Đông. Biển Đông tiếp giáp những quốc gia nào? Tại sao nói biển Đông có vị trí “cầu nối”? - Tại sao nói biển Đông là biển kín? Kể tên các đảo, quần đảo bao quanh biển Đông. - Biển Đông thông với Thái Bình Dương qua eo biển nào? - Vùng biển VN bao gồm mấy bộ phận? Xác định vị trí và kể tên các bộ phận của vùng biển nước ta. - Đọc thông tin SGK/ 88, 89 và hoàn thành bảng thông tin sau theo cặp đôi. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p>	<p>I. Đặc điểm chung của vùng biển VN</p> <p>a) Diện tích giới hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển VN có diện tích 1 triệu km² - Là 1 bộ phận của Biển Đông: <p>* Biển Đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là biển lớn, diện tích khoảng 3.447.000km², tương đối kín nằm trải rộng từ xích đạo tới chí tuyến Bắc. Vùng biển Việt nam là một phần của Biển Đông rộng khoảng 1 triệu km² <p>b) Đặc điểm khí hậu, hải văn của biển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chế độ gió mùa - Chế độ nhiệt: TB > 23°C - Chế độ mưa: ít hơn trên đất liền - Dòng biển: có 2 dòng hải lưu nóng và lạnh chảy ngược chiều nhau.

<p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>-> Chế độ hải văn (Nhiệt độ, gió, mưa) theo mùa.</p> <p>- Thủy triều khá phức tạp, và độc đáo, chủ yếu là chế độ nhật triều.</p> <p>- Độ mặn TB : 30 -> 33⁰/₀₀.</p>
---	--



Ghi chú : 1 hải lý = 1852 m

Sơ đồ lát cắt ngang vùng biển nước ta

* Bảng thông tin:

Các yếu tố tự nhiên		Đặc điểm
Khí hậu	Chế độ nhiệt	
	Chế độ mưa	
	Chế độ gió	
Hải văn	Dòng biển	
	Chế độ triều	
	Độ mặn	

Hoạt động 2 : Tìm hiểu tài nguyên và môi trường vùng biển nước ta (15 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được những ảnh hưởng của biển đến phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.
- Đánh giá hiện trạng vấn đề môi trường biển nước ta, nguyên nhân và các giải pháp.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát hình ảnh và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Những hình ảnh sau đây đang thể hiện cho nguồn tài nguyên biển nào?- Nêu những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển nước ta.- Biện pháp khắc phục để bảo vệ môi trường biển nước ta. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>II. Tài nguyên và bảo vệ môi trường biển VN</p> <p>a/ Tài nguyên biển</p> <ul style="list-style-type: none">- Vùng biển VN nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng:+ TN thủy sản: Giàu tôm, cá và các hải sản quý khác.+ TN khoáng sản: Dầu khí, khí đốt, muối, cát,...+ TN du lịch: Các danh lam, thắng cảnh đẹp.+ Bờ biển dài, vùng biển rộng có nhiều điều kiện xây dựng các hải cảng <p>- Một số thiên tai thường xảy ra trên vùng biển nước ta như: mưa, bão, sóng lớn, triều cường...</p> <p>b/ Môi trường biển</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhìn chung môi trường biển VN còn khá trong lành.- Một số vùng ven bờ bị ô nhiễm nguồn nước biển, suy giảm nguồn hải sản <p>c/ Bảo vệ tài nguyên môi trường biển</p>

- Khai thác hợp lí đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.



C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: HS đưa ra đáp án tùy theo khả năng của mình

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời nhanh các câu hỏi sau:

Em hãy đóng vai mình là hướng dẫn viên du lịch để giới thiệu về các địa điểm du lịch nổi tiếng của vùng biển Việt Nam cho du khách quốc tế.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về vùng biển Việt Nam.

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Giải thích vì sao Đảng và nhà nước ta lại chú trọng phát triển bền vững kinh tế biển?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 26: ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Kể tên được một số loại khoáng sản của nước ta.
- Chứng minh được Việt Nam là nước giàu khoáng sản nhưng giàu về chủng loại, phần lớn các mỏ có trữ lượng nhỏ và vừa.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Biết được sự đa dạng về các mỏ khoáng sản ở VN.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ khoáng sản VN, nhận xét sự phân bố các mỏ khoáng sản ở nước ta. Xác định được các mỏ khoáng sản lớn và các vùng khoáng sản trên bản đồ.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Phân tích được những nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản và nêu được hậu quả khi sử dụng lãng phí tài nguyên.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Đề xuất được những biện pháp bảo vệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên.

- Chăm chỉ: Biết được đặc điểm nguồn tài nguyên khoáng sản nước ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

Bản đồ khoáng sản VN

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS dựa vào kiến thức thực tế để kể tên các mỏ khoáng sản có ở nước ta.

c) Sản phẩm:

HS nêu được một số mỏ khoáng sản lớn như: Than, sắt, thiếc, đồng, chì, kẽm, mỏ dầu, mỏ khí,...

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: Chia lớp ra làm 2 nhóm. Từng thành viên trong nhóm lên bảng ghi tên các mỏ khoáng sản có ở nước ta. Nhóm nào ghi được nhiều khoáng sản hơn trong 2 phút sẽ chiến thắng.

Bước 2+3: HS thực hiện trò chơi trong 2 phút.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng kết trò chơi. Chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về tiềm năng khoáng sản Việt Nam (15 phút)

a) *Mục đích:*

- Chứng minh được Việt Nam là nước giàu khoáng sản nhưng giàu về chủng loại, phần lớn các mỏ có trữ lượng nhỏ và vừa.

b) *Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:* HS hoàn thành các câu hỏi:

d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ khoáng sản VN và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kể tên các mỏ khoáng sản chính ở nước ta.- Xác định vị trí các mỏ khoáng sản trên lược đồ.- Hãy nhận xét về thành phần và trữ lượng khoáng sản ở Việt Nam? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>1. VN là nước giàu tài nguyên khoáng sản:</p> <ul style="list-style-type: none">- Khoáng sản nước ta phong phú về loại hình, đa dạng về chủng loại, nhưng phần lớn các khoáng sản có trữ lượng vừa và nhỏ. Một số khoáng sản có trữ lượng lớn: Than, dầu khí, apatit, đá vôi, sắt, crôm, đồng, thiếc, bôxít...

Hoạt động 2 : Tìm hiểu về vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản (15 phút)

a) Mục đích:

- Phân tích được những nguyên nhân làm cạn kiệt nguồn tài nguyên khoáng sản và nêu được hậu quả khi sử dụng lãng phí tài nguyên.
- Đề xuất được những biện pháp bảo vệ và sử dụng tiết kiệm tài nguyên.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS xem đoạn video về khai thác khoáng sản chưa hợp lí và trả lời các câu hỏi:</p> <p>https://www.youtube.com/watch?v=j1fUpnkMaGA</p> <ul style="list-style-type: none">- Nội dung video nói về vấn đề gì?- Nguyên nhân và hậu quả của vấn đề đó? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>III. Vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản</p> <p>a) Thực trạng</p> <ul style="list-style-type: none">- Khoáng sản là tài nguyên không thể phục hồi- Hiện nay 1 số khoáng sản có nguy cơ bị cạn kiệt, sử dụng còn lãng phí.- Việc khai thác một số khoáng sản đã làm ô nhiễm môi trường <p>b) Biện pháp bảo vệ</p> <ul style="list-style-type: none">- Phải khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả.- Cần thực hiện nghiêm luật khoáng sản của Nhà nước ta.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (10 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

Các vùng mỏ chính	Đáp án	Các mỏ khoáng sản chính
1. Đông Bắc Bắc Bộ	1 – d	a. Bô xít (Lâm Đồng, Đắk Lắk) cao lanh (Lâm Đồng)
2. Tây Bắc	2 - b	b. Đồng (Sơn La), Vàng Mai Sơn (Hoà Bình)
3. Bắc Trung Bộ	3 – e	c. Than nâu, mỏ khí tự nhiên (ĐBSH); Than bùn (ĐBSCL)
4. Tây Nguyên	4 – a	d. Mỏ sắt Trại Cau (Thái Nguyên); than đá Cẩm Phả (Quảng Ninh), thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng)
5. Các đồng bằng	5 – c	e. Crôm Cổ Định (Thanh Hoá), sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh), đá quý Quỳnh Châu (Nghệ An), thiếc Quỳnh Hợp (Nghệ An)

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và hoàn thành câu hỏi sau:

Nối các ô ở cột Các vùng mỏ chính với các ô ở cột Các mỏ khoáng sản chính cho phù hợp

Các vùng mỏ chính	Đáp án	Các mỏ khoáng sản chính
1. Đông Bắc Bắc Bộ	1 -	a. Bô xít (Lâm Đồng, Đắk Lắk) cao lanh (Lâm Đồng)
2. Tây Bắc	2 -	b. Đồng (Sơn La), Vàng Mai Sơn (Hoà Bình)
3. Bắc Trung Bộ	3 -	c. Than nâu, mỏ khí tự nhiên (ĐBSH); Than bùn (ĐBSCL)

4. Tây Nguyên	4 -	d. Mỏ sắt Trại Cau (Thái Nguyên); than đá Cẩm Phả (Quảng Ninh), thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng)
5. Các đồng bằng	5 -	e. Crôm CỎ Định (Thanh Hoá), sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh), đá quý Quỳnh Châu (Nghệ An), thiếc Quỳnh Hợp (Nghệ An)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về khoáng sản VN

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Qua tìm hiểu thực tế, hãy xác định những nguyên nhân là cạn kiệt tài nguyên khoáng sản của nước ta và lấy ví dụ về một loại khoáng sản cụ thể.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

.....

.....

BÀI 28: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của địa hình VN
- Địa hình đa dạng, đồi núi là bộ phận quan trọng nhất, chủ yếu là đồi núi thấp.
- Địa hình phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau.
- Hướng nghiêng của địa hình là hướng tây bắc - đông nam.
- Hai hướng chủ yếu của địa hình là tây bắc - đông nam và vòng cung.
- Địa hình mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích lát cắt địa hình Việt Nam để chỉ ra tính phân bậc và hướng nghiêng chung của địa hình.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ, lược đồ Địa hình Việt Nam để hiểu và trình bày một số đặc điểm chung của địa hình, mô tả đặc điểm và sự phân bố các khu vực địa hình ở nước ta.

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Nhận xét tác động của con người tới địa hình qua tranh ảnh thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Giữ gìn, bảo vệ trạng thái ban đầu địa hình của địa phương mình đang ở.

- Chăm chỉ: Phân tích các đặc điểm chính của địa hình Việt Nam.

- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với những khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của địa hình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ địa hình Việt Nam

- Lát cắt địa hình

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát tranh và nêu tên các dạng địa hình ở nước ta

c) Sản phẩm:

HS nêu được các dạng địa hình: núi, đồng bằng, ven biển,...

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: Giáo viên giới thiệu các hình ảnh yêu cầu học sinh nhận biết các hình ảnh thể hiện điều gì về đặc điểm địa hình nước ta?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam (12 phút)

a) Mục đích:

Sử dụng bản đồ, lược đồ Địa hình Việt Nam để hiểu và trình bày một số đặc điểm chung của địa hình, mô tả đặc điểm và sự phân bố các khu vực địa hình ở nước ta

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm*: HS hoàn thành các câu hỏi

d) *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho biết nước ta có mấy dạng địa hình? - Dạng địa hình nào chiếm diện tích lớn? - Nêu đặc điểm từng dạng địa hình? - Địa hình có thuận lợi – khó khăn gì cho phát triển kinh tế – xã hội ? - Địa hình đa dạng, phong phú – nguyên nhân chủ yếu nào tạo nên sự đa dạng của địa hình? - Tìm trên hình 28.1, đỉnh núi Phanxipăng và đỉnh Ngọc Linh - Tìm các nhánh núi, khối núi lớn ngăn cách và phá vỡ tính liên tục của dải đồng bằng ven biển nước ta ? - Đồng bằng nước ta chiếm diện tích như thế nào? Phân bố? Xác định trên bản đồ các đồng bằng lớn. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình Việt Nam đa dạng, trong đó quan trọng nhất là bộ phận đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp . - Đồi núi chạy từ Tây Bắc đến Đông Nam Bộ dài 1400 km tạo thành cánh cung hướng ra biển Đông . - Địa hình đồng bằng chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ diện tích lãnh thổ.

Hoạt động 2 : Tìm hiểu quá trình địa hình nước ta được tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau (12 phút)

a) Mục đích:

- Địa hình phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau.
- Hướng nghiêng của địa hình là hướng tây bắc - đông nam.
- Hai hướng chủ yếu của địa hình là tây bắc - đông nam và vòng cung.
- Phân tích lát cắt địa hình Việt Nam để chỉ ra tính phân bậc và hướng nghiêng chung của địa hình.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát ... , phân tích bảng số liệu và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Lãnh thổ Việt Nam được tạo lập vững chắc ở giai đoạn nào?- Vận động Tân kiến tạo ảnh hưởng như thế nào đến địa hình nước ta?- Vì sao nói địa hình nước ta là địa hình già nâng cao trẻ lại ?- Xác định các vùng núi cao và các cao nguyên badan, các đồng bằng trẻ, phạm vi thềm lục địa ? <p>BƯỚC 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>BƯỚC 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p>	<p>II. Địa hình nước ta được Tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau</p> <ul style="list-style-type: none">- Địa hình phân thành nhiều bậc kế tiếp nhau: núi đồi, đồng bằng, thềm lục địa...+ Hướng nghiêng của địa hình nước ta là tây bắc- đông nam (thể hiện rõ qua hướng chảy của các dòng sông ngòi)+ Hai hướng chủ yếu của địa hình là: tây bắc – đông nam ; vòng cung

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

Hoạt động 3: Tìm hiểu địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người (10 phút)

a) Mục đích:

Biết được địa hình mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi.

- Địa hình nước ta bị biến đổi do những nhân tố: khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm và sự tác động của con người.

- Một số hang động nổi tiếng ở nước ta: Phong Nha, Sơn Đoong, ...

*** Nhóm 1, 3: hoàn thành bảng sau**

Tác động	Ảnh hưởng
Khí hậu và dòng nước	Đất, đá trên bề mặt bị phong hóa mạnh mẽ, các khối núi bị cắt xẻ, xâm thực, xói mòn,...

*** Nhóm 2, 4:**

Tác động	Ảnh hưởng
Con người đến địa hình	xây dựng đô thị, hầm mỏ, giao thông, đê, đập, kênh rạch,...

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Sản phẩm dự kiến								
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>- Địa hình nước ta bị biến đổi do những nhân tố nào?</p> <p>- Em hãy kể tên một số hang động nổi tiếng ở nước ta?</p> <p>* Nhóm 1, 3: Hoàn thành bảng sau</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tác động</th> <th>Ảnh hưởng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Khí hậu và dòng nước</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>* Nhóm 2, 4:</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tác động</th> <th>Ảnh hưởng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Con người đến địa hình</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Tác động	Ảnh hưởng	Khí hậu và dòng nước		Tác động	Ảnh hưởng	Con người đến địa hình		<p>III. Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người</p> <p>- Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm (đất, đá trên bề mặt bị phong hóa mạnh mẽ, các khối núi bị cắt xẻ, xâm thực, xói mòn,...)</p> <p>- Sự khai phá của con người làm cho địa hình bị biến đổi mạnh mẽ (xây dựng đô thị, hầm mỏ, giao thông, đê, đập, kênh rạch,...)</p>
Tác động	Ảnh hưởng									
Khí hậu và dòng nước										
Tác động	Ảnh hưởng									
Con người đến địa hình										
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức. Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường.</p>										

*** Em hãy cho biết khi rừng bị con người chặt phá thì mưa lũ sẽ gây ra hiện tượng gì? Bảo vệ rừng có những lợi ích gì?**

Gây ra hiện tượng lũ bùn, lũ ống, lũ quét, ... ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống người dân. Bảo vệ rừng sẽ bảo vệ được cuộc sống của người dân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) *Nội dung*: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) *Sản phẩm*: Đưa ra đáp án.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS quan sát lược đồ và lần lượt kể tên các dạng địa hình nước ta (đồng bằng, núi, cao nguyên)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút kể tên các dạng địa hình.

GV mời các HS tham gia kể tên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích*: Hệ thống lại kiến thức về địa hình Việt Nam

b) *Nội dung*: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm*: Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm hiểu địa phương em có những địa hình nào và địa hình nào chiếm diện tích lớn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

.....

.....

BÀI 29: ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được vị trí, đặc điểm cơ bản của các khu vực địa hình.
- Giải thích được sự phân hóa địa hình đồi núi ở Việt Nam, đặc điểm mỗi khu vực địa hình và sự khác nhau giữa các khu vực đồi núi.
- Trình bày được đặc điểm chung của đồng bằng nước ta và sự khác nhau giữa các đồng bằng.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Xác lập mối quan hệ giữa đặc điểm địa hình Việt Nam với các đặc điểm khí hậu và thủy văn.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam, lược đồ Địa hình Việt Nam, lược đồ các miền tự nhiên để hiểu và trình bày, mô tả các đặc điểm và sự phân bố các khu vực địa hình ở nước ta.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Phân tích được mối quan hệ giữa địa hình với các thành phần tự nhiên khác. So sánh các khu vực địa hình.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Yêu thiên nhiên Việt Nam và có các tác động phù hợp đối với các dạng địa hình nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất nhưng không làm tổn hại đến môi trường tự nhiên.
- Chăm chỉ: Tìm hiểu sự phân bố và đặc điểm của các dạng địa hình ở Việt Nam.
- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với những khu vực gặp khó khăn do địa hình mang lại

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ địa hình Việt Nam
- Tranh ảnh về các khu vực địa hình.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết, sử dụng kĩ năng đọc tranh ảnh để nhận biết về các khu vực địa hình của nước ta

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan lược đồ và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm:

HS trả lời được các dạng địa hình Việt Nam: đồi núi, đồng bằng, ven biển,...

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát lược đồ kết hợp với kiến thức đã học, hiểu biết của bản thân và trả lời câu hỏi: Em biết gì về đặc điểm địa hình của Việt Nam.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về khu vực địa hình đồi núi (13 phút)

a) Mục đích:

- Nêu được vị trí, đặc điểm cơ bản của khu vực đồi núi và sự khác nhau giữa các khu vực đồi núi. Học sinh hiểu được sự phân hóa địa hình đồi núi nước ta

- Phân tích so sánh đặc điểm các khu vực địa hình núi.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành phiếu học tập

Phiếu học tập 1

Yếu tố	Các khu vực núi			
	Đông Bắc	Tây Bắc	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
Giới hạn	Tả ngạn sông Hồng	Giữa Sông Hồng và sông Cả	Phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã	Dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ
Độ cao	Đồi núi thấp.	Vùng núi cao hùng vĩ.	Đồi núi thấp.	Cao nguyên hùng vĩ, xếp tầng
Hướng núi	Cánh cung	Hướng núi: Tây Bắc – Đông Nam	Hướng núi: Tây Bắc – Đông Nam	Các cánh cung lớn
Đặc điểm nổi bật	Địa hình Cácxtơ phổ biến	Địa hình Cácxtơ	2 sườn không đối xứng. Núi có nhiều nhánh ăn lan sát biển.	Có lớp đất đỏ Ba dan màu mỡ.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ, atlas địa lý để trình bày vị trí giới hạn và đặc điểm cơ bản của các khu vực đồi núi ở nước ta theo nhiệm vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nhóm 1, 5: Vùng núi Đông Bắc Bắc Bộ. * Nhóm 2, 6: Vùng núi Tây Bắc Bắc Bộ * Nhóm 3, 7: Vùng núi Trường Sơn Bắc * Nhóm 4, 8: Vùng núi Cao nguyên Trường Sơn Nam. <p>BƯỚC 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào bảng nhóm; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>BƯỚC 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>BƯỚC 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Khu vực đồi núi.</p> <p>a. Vùng núi Đông Bắc: Nằm ở tả ngạn sông Hồng, là vùng đồi núi thấp, nổi bật với những dãy núi hình cánh cung. Địa hình cácxtơ khá phổ, tạo nên nhiều cảnh quan đẹp và hùng vĩ.</p> <p>b. Vùng núi Tây Bắc: Nằm giữa sông Hồng và sông Cả, hùng vĩ, đồ sộ nhất nước ta, kéo dài theo hướng Tây Bắc- Đông Nam.</p> <p>c. Vùng núi Trường Sơn Bắc: Từ sông Cả tới dãy núi Bạch Mã. Là vùng núi thấp, có hai sườn không đối xứng, có nhiều nhánh đâm ra biển.</p> <p>d. Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam: Từ dãy Bạch Mã đến Đông nam Bộ. Là vùng đồi núi, cao nguyên hùng vĩ, lớp đất đỏ ba dan phủ trên các cao nguyên rộng lớn, xếp thành từng tầng trên các độ cao khác nhau.</p>
---	--

Phiếu học tập 1

<p align="center">Yếu tố</p>	<p align="center">Các khu vực núi</p>
-------------------------------------	--

	Đông Bắc	Tây Bắc	Trường Sơn Bắc	Trường Sơn Nam
Giới hạn				
Độ cao				
Hướng núi				
Đặc điểm nổi bật				

Hoạt động 2: Tìm hiểu địa hình đồng bằng (11 phút)

a) Mục đích:

- Phân tích được đặc điểm địa hình đồng bằng nước ta và sự khác nhau giữa các đồng bằng.
- Sử dụng bản đồ Tự nhiên Việt Nam để trình bày các đặc điểm nổi bật về địa hình đồng bằng nước ta.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để hoàn thành phiếu học tập.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành phiếu học tập

Phiếu học tập 2

Yếu tố	Các khu vực đồng bằng		
	ĐB Sông Hồng	ĐB Sông Cửu Long	ĐB Duyên Hải Miền Trung

Vị trí	Hạ lưu sông Hồng	Hạ lưu sông Mêkong	Ven biển miền trung
Diện tích	15.000 km ²	40.000 km ²	15.000 km ²
Độ cao trung bình	Thấp hơn mực nước sông ngoài đê 3m đến 7m	Cao TB 2m -3m so với mực nước biển	
Đặc điểm nổi bật	<ul style="list-style-type: none"> - Hình dạng tam giác. - Có hệ thống đê điều vững chắc. - Đất không được bồi đắp phù sa thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Không có đê ngăn lũ - Kênh rạch chằng chịt - Diện tích đất bị ngập úng lớn. - Phù sa bồi đắp thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhỏ hẹp - Kém phì nhiêu
Hướng cải tạo và sử dụng	Đắp đê ngăn nước mặn, cải tạo đất	Sống chung với lũ. Tăng cường công tác thủy lợi	Trồng rừng chắn cát bay

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ, atlas địa lý để trình bày vị trí giới hạn và đặc điểm cơ bản của các khu vực đồi núi ở nước ta theo nhiệm vụ sau:</p>	<p>II. Khu vực đồng bằng</p> <p>a. Đồng bằng châu thổ hạ lưu các sông lớn:</p>

<p>* Nhóm 1, 4: Vùng đồng bằng Sông Hồng</p> <p>* Nhóm 2, 5: Vùng đồng bằng Sông Cửu Long</p> <p>* Nhóm 3, 6: Vùng đồng bằng duyên hải miền Trung.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào bảng nhóm; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Đồng bằng Sông Cửu Long: Diện tích 40.000 km². Bề mặt thấp, không có đê lớn ngăn lũ, nhiều vùng bị ngập nước trong mùa lũ.</p> <p>- Đồng bằng sông Hồng: Diện tích 15.000 km². Có hệ thống đê lớn ngăn lũ vững chắc, chia cắt đồng bằng thành nhiều ô trũng.</p> <p>b. Đồng bằng Duyên Hải trung bộ:</p> <p>- Tổng diện tích 15.000 km², bị đồi núi chia cắt, nhỏ hẹp, kém phì nhiêu</p>
--	--

Phiếu học tập 2

Yếu tố	Các khu vực đồng bằng		
	ĐB Sông Hồng	ĐB Sông Cửu Long	ĐB Duyên Hải Miền Trung
Vị trí			
Diện tích			
Độ cao trung bình			
Đặc điểm nổi bật			
Hướng cải tạo và sử dụng			

Hoạt động 3: Khám phá địa hình bờ biển và thềm lục địa (7 phút)

a) Mục đích:

- Phân tích được đặc điểm địa hình bờ biển và thềm lục địa ở nước ta và sự khác nhau giữa các đồng bằng.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để hoàn thành phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát ... , phân tích bảng số liệu và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên cho học sinh nhận xét bờ biển Việt Nam trên bản đồ tự nhiên ? - Địa hình bờ biển bao gồm những dạng cơ bản nào? Vị trí của các địa hình bờ biển đó? - Các dạng bờ biển có những giá trị kinh tế nào ? - Dựa vào bản đồ tự nhiên hãy xác định vị trí các dạng bờ biển chính nước ta. xác định vị trí Hạ Long, Cam Ranh, Đồ Sơn, Vũng Tàu, Hà Tiên? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>III. Địa hình bờ biển và thềm lục địa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bờ biển: dài trên 3260 km (từ Móng cái đến Hà Tiên). Có 2 dạng chính: + Bờ biển bồi tụ đồng bằng. + Bờ biển mài mòn chân núi, hải đảo. - Giá trị: nuôi trồng thủy sản, xây dựng cảng biển, du lịch. - Thềm lục địa: mở rộng ở vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ, có nhiều dầu mỏ.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) *Nội dung*: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) *Sản phẩm*: Đưa ra đáp án.

KHU VỰC ĐỊA HÌNH	TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ
Khu vực đồi núi	Khai thác khoáng sản, lâm sản, trồng rừng, cây công nghiệp chăn nuôi gia súc lớn.
Khu vực đồng bằng	Sản xuất lương thực thực phẩm quy mô lớn, công nghiệp, du lịch
Bờ biển và thềm lục địa	Khai thác khoáng sản, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, xây dựng cảng biển, du lịch.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và hoàn thành bảng thông tin sau:

Điền tiếp các tiềm năng kinh tế cho phù hợp với các khu vực địa hình.

KHU VỰC ĐỊA HÌNH	TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ
Khu vực đồi núi	
Khu vực đồng bằng	
Bờ biển và thềm lục địa	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về các dạng địa hình Việt Nam

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Địa phương em đang sinh sống thuộc khu vực địa hình gì? Mô tả các đặc điểm chính về địa hình của địa phương em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 30: THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Nêu được các đơn vị địa hình cơ bản của nước ta.
- Trình bày đặc điểm địa hình một số khu vực lãnh thổ
- Đánh giá tác động của địa hình đến đời sống kinh tế và xã hội

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân biệt địa hình tự nhiên, địa hình nhân tạo trên bản đồ.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ Việt Nam, nhận biết các đơn vị địa hình cơ bản trên bản đồ.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Liên hệ những thuận lợi và khó khăn của địa hình địa phương

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Ý thức nghiên cứu các đối tượng tự nhiên do ảnh hưởng của vị trí, địa hình Châu Á.

- Chăm chỉ: Phân tích lát cắt địa hình dọc kinh tuyến 108⁰Đ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết, sử dụng kỹ năng đọc bản đồ tranh ảnh để nhận biết tọa độ địa lí, địa hình, kỹ năng đọc lát cắt địa hình.

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát hình ảnh và trình bày hiểu biết của mình

c) Sản phẩm:

HS nhận biết và nêu được một số đặc điểm nổi bật của đèo Hải Vân

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp bức ảnh: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là địa điểm nào? Em biết gì về địa điểm đó?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc lược đồ tự nhiên Việt Nam, xác định các dãy núi, các dòng sông dọc theo vĩ tuyến 22° B (15 phút)

a) Mục đích:

- Biết được vị trí địa lý, giới hạn của khu vực cần tìm hiểu trên bản đồ;
- Trình bày được các dạng địa hình trong khu vực đó.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên Việt Nam và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định vĩ tuyến 22^oB - Từ biên giới Việt – Lào đến biên giới Việt – Trung phải vượt qua các dãy núi nào? - Từ biên giới Việt – Lào đến biên giới Việt – Trung phải vượt qua các dòng sông lớn nào? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>Câu 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các dãy núi: + Dãy Pu Đen Đinh + Dãy Hoàng Liên Sơn. + Dãy Con Voi. + Cánh cung sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn. - Các dòng sông: + Sông Đà + Sông Hồng + Sông Chảy. + Sông Lô. + Sông Gâm + Sông Kì Cùng

Hoạt động 2 : Phân tích lát cắt địa hình (15 phút)

a) Mục đích:

- Nhận biết được đặc điểm về địa hình từ dãy Bạch Mã đến bờ biển Phan Thiết.
- Phát triển kỹ năng đọc bản đồ, lát cắt địa hình

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ, lát cắt địa hình và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định kinh tuyến 108^oĐ. - Hãy xác định các cao nguyên dọc theo kinh tuyến 108^oĐ? - Nhận xét về địa hình và nham thạch của các cao nguyên này. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>Câu 2:</p> <p>a) Đi qua các cao nguyên: Trải qua các cao nguyên: Kon Tum, Plây Ku, Đăk Lăk, Lâm Viên.</p> <p>b) Nhận xét về địa hình và nham thạch: Dung nham núi lửa tạo thành các cao nguyên rộng lớn, xen kẽ với badan trẻ là các đá cổ thời tiền Camri, là khu nền cổ, bị nứt vỡ, kèm theo sự phun trào mắc ma, tạo nên các cao nguyên xếp tầng, sườn dốc, nhiều suối...</p>

Hoạt động 3: Tìm hiểu tác động của địa hình đến giao thông vận tải (5 phút)

a) Mục đích:

Phân tích được ảnh hưởng của địa hình đến giao thông vận tải, hoạt động kinh tế

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động cá nhân

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho biết quốc lộ 1A từ Lạng Sơn tới Cà Mau vượt qua các đèo nào? - Các đèo này có ảnh hưởng tới giao thông Bắc – Nam như thế nào? Cho ví dụ. 	<p>Câu 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc lộ 1A từ Lạng Sơn ta phải trải qua các đèo là: Sài Hồ, Tam Điệp, Ngang, Hải Vân, Cù Mông, Că. - Ảnh hưởng đến ngành giao thông:

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>+ Đi lại khó khăn nguy hiểm</p> <p>+ Kéo thời gian</p> <p>+ Đầu tư nhiều để xây dựng đường sá và hầm đường bộ.</p> <p>- Ví dụ: Hầm đèo Hải Vân, đèo Cả, đèo Ngang....</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: HS dựa vào Atlas chọn và đưa ra đáp án.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và hoàn thành bài tập sau:

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6, 7 hãy chọn cho mình lộ trình đi theo một tuyến quốc lộ từ Đông sang Tây và xác định các dãy núi, đèo và con sông mà lộ trình đi qua.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) Mục đích: Hệ thống lại kiến thức về

b) *Nội dung*: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm*: Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin và thuyết trình về 1 ngọn đèn mà em thích nhất.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV giới thiệu các địa điểm HS có thể tìm hiểu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 31: ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Mô tả được đặc điểm khí hậu nước ta và giải thích nguyên nhân hình thành tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm và tính chất đa dạng thất thường.
- Phân tích mối liên hệ giữa các nhân tố hình thành.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích các bảng số liệu về khí hậu Việt Nam.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ, Atlas để trình bày tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa qua thành phần khí hậu
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Giải thích những hiện tượng thời tiết thường gặp trong cuộc sống.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Phát huy được thế mạnh tự nhiên vùng miền qua thành phần khí hậu nhằm khai thác tốt thế mạnh của loại tài nguyên đặc biệt này.
- Chăm chỉ: Phân tích được các đặc điểm chính của khí hậu Việt Nam.
- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với những khu vực chịu ảnh hưởng khắc nghiệt của khí hậu.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam.
- Lược đồ khí hậu Việt Nam

- Atlát Địa lí Việt Nam

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS đọc 2 câu ca dao tục ngữ về thời tiết khí hậu nước ta

c) Sản phẩm:

HS phân tích được 2 câu ca dao tục ngữ theo cách hiểu của mình.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp 2 câu ca dao và tục ngữ: Yêu cầu HS cho biết qua câu thành ngữ và câu thơ sau đây phản ánh hiện tượng thời tiết gì ở nước ta?

“ Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa

Tháng ba mưa đám, tháng tám mưa cơn.

Gió heo may, chẳng mưa dầm thì bão giạt”

“ Mông chín tháng chín có mưa,

Thì con sấm sủa cày bừa làm ăn.

Mông chín tháng chín không mưa,

Thì con bán cả cày bừa đi buôn.”

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm (17 phút)

a) Mục đích:

Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của khí hậu VN .

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ khí hậu VN để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các nội dung thảo luận nhóm

*** Nhóm 1, 4:**

- Nhiệt độ trung bình tại các địa điểm tăng dần từ Bắc vào Nam.

- Biên độ nhiệt giảm dần từ Bắc vào Nam.

=> Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới:

+ Quanh năm nhận lượng nhiệt dồi dào.

+ Số giờ nắng trong năm cao từ 1400 -3000giờ.

+ Số Kcalo/m² : 1 triệu.

+ Nhiệt độ trung bình năm trên 21 °C.

*** Nhóm 2, 5:**

- Nước ta có 2 mùa gió. HS xác định hướng gió trên lược đồ: Gió mùa Đông Bắc và Tây Nam.

- Hai loại gió này có tính chất ngược nhau: Gió mùa đông bắc từ cao áp Xibia là gió từ lục địa tới nên lạnh và khô; Gió mùa TN từ biển thổi vào nên ẩm và mưa lớn

=> Nước ta có khí hậu gió mùa: Gió mùa mang lại lượng mưa lớn, độ ẩm cao vào mùa hè (gió mùa Tây Nam). vào mùa đông thời tiết lạnh khô (gió mùa Đông Bắc).

*** Nhóm 3, 6:**

- Lượng mưa trên toàn lãnh thổ nước ta: mưa nhiều và mưa theo mùa.

- Một số địa điểm có lượng mưa lớn: Bắc Quang, Hoàng Liên Sơn, Huế, Hòn Ba. Những địa điểm này thường có mưa nhiều do nằm trên địa hình chắn gió.

=> Tính ẩm của khí hậu nước ta: Lượng mưa lớn 1500 -> 2000 mm/năm, độ ẩm không khí cao 80%. Các địa điểm nằm trên địa hình đón gió ẩm có lượng mưa cao.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ khí hậu VN, phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu nhận xét về nhiệt độ trung bình tại các địa điểm từ Bắc vào Nam. - Nhận xét sự thay đổi của biên độ nhiệt từ Bắc vào Nam. <p>=> Chứng minh khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới.</p> <p>* Nhóm 2, 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước ta có mấy mùa gió? Xác định hướng gió. - Vì sao hai loại gió này có tính chất ngược nhau. <p>=> Chứng minh nước ta có khí hậu gió mùa.</p> <p>* Nhóm 3, 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét về lượng mưa trên toàn lãnh thổ nước ta. 	<p>I. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt đới gió mùa ẩm. - Số giờ nắng trong năm cao (1400-3000 giờ/ năm). Nhiệt năng lớn: 1 triệu Kilo-cal/m³ - Nhiệt độ trung bình năm > 21°C. - Hướng gió : Mùa đông lạnh khô với gió mùa ĐB, mùa hạ nóng ẩm với gió mùa TN. - Lượng mưa trung bình năm lớn từ 1500mm đến 2000mm /năm.

<p>- Kể tên một số địa điểm có lượng mưa lớn. Giải thích vì sao những địa điểm đó thường có mưa nhiều</p> <p>=> Chứng minh tính ẩm của khí hậu nước ta.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Độ ẩm không khí trên 80%</p>
---	-----------------------------------

Hoạt động 2 : Tìm hiểu tính chất đa dạng và thất thường (13 phút)

a) Mục đích:

- Nhận biết được tính chất đa dạng và thất thường của khí hậu nước ta.
- Biết thời tiết khí hậu của VN trong những năm gần đây có những diễn biến phức tạp và nguyên nhân của nó.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự phân hoá khí hậu theo không gian và thời gian? - Hình thành các miền và vùng khí hậu có đặc điểm gì? - Nhân tố nào làm cho thời tiết, khí hậu nước ta đa dạng và thất thường? - Sự thất thường trong chế độ nhiệt chủ yếu diễn ra ở miền nào? Vì sao? 	<p>II. Tính chất đa dạng và thất thường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân hóa đa dạng: Theo không gian (các miền, vùng, kiểu khí hậu). Theo thời gian (các mùa). - Biến đổi thất thường (có năm rét sớm, có năm rét muộn, năm mưa lớn, năm khô hạn, năm ít bão, năm nhiều bão...)

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

Miền khí hậu	Vị trí	Tính chất của khí hậu
Phía Bắc	Từ Hoàng Sơn (18 ⁰ B) trở ra	Có mùa đông lạnh, ít mưa, nửa cuối mùa đông ẩm ướt. Mùa hè nóng, mưa nhiều.
Đông Trường Sơn	Từ Hoàng Sơn (18 ⁰ B) -> Mũi Dinh (11 ⁰ B)	Có mùa hè nóng, khô. Mùa mưa lệch hẳn về thu đông.
Phía Nam	Nam Bộ và Tây Nguyên	Khí hậu cận xích đạo, nhiệt độ quanh năm cao, với một mùa khô và một mùa mưa tương phản sâu sắc.
Biển Đông	Vùng Biển Đông	Mang tính chất nhiệt đới gió mùa hải dương.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và hoàn thành phiếu học tập sau:

Phiếu học tập

Miền khí hậu	Vị trí	Tính chất của khí hậu
Phía Bắc	Từ Hoàng Sơn (18 ⁰ B) trở ra	
Đông Trường Sơn	Từ Hoàng Sơn (18 ⁰ B) -> Mũi Dinh (11 ⁰ B)	
Phía Nam	Nam Bộ và Tây Nguyên	
Biển Đông	Vùng Biển Đông	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về đặc điểm khí hậu Việt Nam.

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Tìm kiếm sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm khoảng 5 câu tục ngữ, ca dao nói về khí hậu - thời tiết ở nước ta hoặc ở địa phương em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới
-
-

BÀI 32: CÁC MÙA KHÍ HẬU VÀ THỜI TIẾT Ở NƯỚC TA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Những nét đặc trưng về khí hậu và thời tiết của hai mùa: Mùa gió đông bắc và mùa gió tây nam
- Sự khác biệt về khí hậu, thời tiết của ba miền; Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ với ba trạm tiêu biểu là: Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích bảng số liệu để thấy được sự khác nhau của mùa bão từ Bắc vào Nam.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: dựa vào lược đồ khí hậu Việt Nam để phân tích, so sánh sự khác nhau về 2 mùa gió ở nước ta.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Trình bày những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với đời sống và sản xuất của người dân Việt Nam.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Tuyên truyền để mọi người thấy được sự nguy hại của biến đổi khí hậu, góp phần nhỏ sức mình trong việc bảo vệ môi trường.
- Chăm chỉ: Phân tích được các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta.
- Nhân ái: Có tinh thần tương thân, tương ái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam
- Bản đồ khí hậu Việt Nam.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Học sinh biết được khí hậu nước ta có hai mùa rõ rệt do chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc và gió mùa tây nam. Các hoạt động sản xuất cũng như sinh hoạt hằng ngày chịu ảnh hưởng của hai mùa gió.

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS dựa vào hiểu biết thực tế và trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm:

HS nêu được do sự biến động của thời tiết mà một số khu vực nói riêng và Việt Nam nói chung vẫn còn nghèo.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV nêu câu hỏi và HS trả lời

Tại sao, VN là nước có nhiều sản phẩm xuất khẩu quan trọng trên thế giới nhưng nông dân Việt Nam vẫn không giàu?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu gió mùa đông bắc và gió mùa tây nam (25 phút)

a) Mục đích:

- Những nét đặc trưng về khí hậu và thời tiết của mùa gió đông bắc

- Sự khác biệt về khí hậu, thời tiết của ba miền; Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ với ba trạm tiêu biểu là: Hà Nội, Huế và TP Hồ Chí Minh.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm*: HS hoàn thành các nội dung thảo luận nhóm

d) *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát ... , phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 5: Tìm hiểu về thời gian đặc điểm mùa gió Đông Bắc</p> <p>* Nhóm 2, 6: Phân tích nhiệt độ lượng mưa và nhận xét về trạm Hà Nội, Huế, Tp.HCM tháng 11 đến tháng 4.</p> <p>* Nhóm 3, 7: Tìm hiểu về thời gian và hoạt động mùa gió Tây Nam</p> <p>* Nhóm 4, 8: Phân tích nhiệt độ lượng mưa và nhận xét về trạm Hà Nội, Huế, Tp.HCM tháng 4 đến tháng 10.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Mùa gió Đông bắc từ tháng 11 đến tháng 4 (mùa Đông)</p> <p>- Hoạt động thịnh hành của gió ĐB</p> <p>+ Miền Bắc (từ Bạch Mã trở ra) có mùa đông lạnh, tương đối ít mưa và nửa cuối mùa đông ẩm ướt</p> <p>+ Miền khí hậu phía Nam (từ Bạch Mã trở vào) có khí hậu cận xích đạo mùa đông nắng nóng và khô</p> <p>+ Vùng duyên hải trung bộ có mưa vào những tháng cuối năm</p> <p>=> Tính chất chung: lạnh, khô, ít mưa, thường gây hạn.</p> <p>II. Mùa gió tây nam từ tháng 5 đến tháng 10 (mùa hạ)</p> <p>- Hoạt động thịnh hành của gió TN</p> <p>+ Miền Bắc (từ Bạch Mã trở ra), mùa hạ nóng và mưa nhiều</p> <p>+ Miền khí hậu phía Nam (từ Bạch Mã trở vào) có khí hậu cận xích đạo có một mùa mưa</p> <p>+ Miền Trung gió Tây khô nóng, bão</p> <p>- Nhiệt độ trung bình trên 25 độ .</p> <p>- Dạng thời tiết phổ biến là mưa dông, mưa rào. Mùa hạ thường xảy ra mưa ngâu, bão, gió tây</p> <p>- Mùa bão nước ta từ tháng 6 -11 chậm dần từ Bắc vào Nam gây tai hại lớn về người và của.</p>

	- Giữa 2 mùa chính nêu trên là những thời kì chuyển tiếp, ngắn và không rõ rệt (xuân, thu).
--	---

Hoạt động 2 : Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại (10 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày những thuận lợi và khó khăn của khí hậu đối với đời sống và sản xuất của người dân Việt Nam.
- Biết một số biện pháp phòng chống thiên tai do thời tiết, khí hậu gây ra.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành câu hỏi.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên phát giấy A2 cho học sinh đã kẻ sẵn nội khung hình khăn trải bàn. Nhiệm vụ: Tìm những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Giáo viên yêu cầu học sinh mỗi nhóm tự viết vào các góc của mình ngồi những ý kiến cá nhân mình vào. Trong 2 phút hoàn thành ý kiến cá nhân. Sau 2 phút các nhóm có 90 giây để ghi lại ý kiến chung của nhóm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Giáo viên cho học sinh đứng lên trình bày, khi nhóm này trình bày nhóm khác phải lắng nghe, bổ sung và phản biện nếu có.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, chốt vấn đề.</p>	<p>III. Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuận lợi: Cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp (Các sản phẩm nông nghiệp đa dạng, ngoài trồng cây nhiệt đới còn có thể trồng được các loại cây cận nhiệt và ôn đới) - Khó khăn: Thiên tai, hạn hán, lũ lụt, sương muối, giá rét ...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về các mùa khí hậu và thời tiết ở nước ta.

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Đề xuất giải pháp nhằm khắc phục khó khăn do khí hậu gây nên cho sản xuất, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 33: ĐẶC ĐIỂM SÔNG NGÒI VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày và giải thích được các đặc điểm chung của sông ngòi ở nước ta.
- Đánh giá được giá trị của sông ngòi ở nước ta.
- Phân tích được nguyên nhân sông ngòi nước ta bị ô nhiễm

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phát triển tư duy địa lí, phân tích bảng số liệu và giải thích được các mối quan hệ giữa sông ngòi với các yếu tố tự nhiên khác và hoạt động kinh tế của con người.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, bản đồ mạng lưới sông ngòi Việt Nam để trình bày các đặc điểm chung của sông ngòi Việt Nam.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Đề xuất các giải pháp để bảo vệ sông ngòi ở địa phương.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ môi trường nước và các dòng sông để phát triển kinh tế bền vững.
- Chăm chỉ: Phân tích được các đặc điểm chính của sông ngòi Việt Nam

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam

Bản đồ mạng lưới sông ngòi Việt Nam.

Một số tranh ảnh về sông ngòi Việt Nam

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS dựa vào kiến thức hiểu biết của mình kể tên các con sông ở Việt Nam

c) Sản phẩm:

HS kể được tên các con sông: Hồng, Đà, Tiền, Hậu, Ba, Mã, Cà,....

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV chia lớp ra làm 2 nhóm. Trong thời gian 1 phút, nhóm nào kể tên được nhiều con sông thì thắng?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng kết và hướng dẫn vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về đặc điểm chung của sông ngòi (20 phút)

a) Mục đích:

- Mô tả được các đặc điểm sông ngòi ở nước ta.
- Xác định được trên bản đồ, lược đồ các con sông lớn và hướng chảy chính.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ hệ thống các sông lớn ở Việt Nam để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ, phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 5: Dựa vào bản đồ treo tường. Hãy nêu đặc điểm mạng lưới sông ngòi Việt Nam? Tại sao nước ta có nhiều sông suối, song phần lớn là sông nhỏ, ngắn và dốc?</p> <p>* Nhóm 2, 6: Dựa vào bản đồ treo tường, em hãy cho biết sông ngòi Việt Nam chảy theo những hướng nào? Vì sao chảy theo hướng đó? Sắp xếp các sông lớn theo hướng vừa kể?</p> <p>* Nhóm 3, 7: Dựa vào kiến thức đã học và sự hiểu biết của mình. Hãy cho biết Sông ngòi Việt Nam có mấy mùa nước? Tương ứng với mùa nào của khí hậu? Dựa vào bảng 33.1 SGK cho biết mùa lũ trên các sông có trùng nhau không? Tại sao?</p>	<p>I. Đặc điểm chung</p> <p>I. Đặc điểm chung</p> <ul style="list-style-type: none">- Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố rộng khắp trên cả nước.+ Có tới 2360 con sông, trong đó 93% là các sông nhỏ và ngắn.+ Các sông lớn như sông Hồng, Mê Kông chỉ có phần trung lưu và hạ lưu chảy qua nước ta.- Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là tây bắc – đông nam và vòng cung.- Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt.+ Mùa lũ nước sông dâng cao và chảy mạnh, lượng nước gấp hai đến ba lần mùa cạn và chiếm 70 – 80 % lượng nước cả năm.

<p>* Nhóm 4, 8: Dựa vào bản đồ treo tường, tranh ảnh. Em hãy cho biết Sông ngòi nước ta có lượng phù sa như thế nào? Lượng phù sa như thế có những tác động gì tới thiên nhiên và đời sống cư dân đồng bằng châu thổ sông Hồng và sông Cửu Long ?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn.</p> <p>+ Bình quân 1m³ nước sông có chứa 223g cát bùn và các chất hòa tan khác.</p> <p>+ Tổng lượng phù sa > 200 triệu tấn/năm.</p>
---	---

Hoạt động 2: Khai thác kinh tế và bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông (14 phút)

a) Mục đích:

- Nêu được những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất và sự cần thiết phải bảo vệ nguồn nước sông.
- Năng lực sử dụng bản đồ, tư duy tổng hợp, tranh ảnh và giải thích được các mối quan hệ giữa sông ngòi với các yếu tố tự nhiên khác và hoạt động kinh tế của con người

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
------------------------	------------------

<p>BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát ... , phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 4: Cho biết sông ngòi nước ta có những giá trị kinh tế nào ?</p> <p>* Nhóm 2, 5: Tìm trên bản đồ và H33.1 các hồ nước Hòa Bình, Trị An, Y-a-ly, Thác Bà, Dầu Tiếng và cho biết chúng nằm trên những dòng sông nào?</p> <p>* Nhóm 3, 6: Nêu những nguyên nhân làm ô nhiễm nước sông ?</p> <p>BƯỚC 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>BƯỚC 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>BƯỚC 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>II. Khai thác kinh tế và bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông</p> <p><i>a. Giá trị của sông ngòi</i></p> <p>Sông ngòi nước ta có rất nhiều thuận lợi như: cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện, nuôi trồng đánh bắt thủy sản, giao thông vận tải, du lịch....</p> <p>* Khó khăn: chế độ nước thất thường, gây ra những trận lũ đột ngột và dữ dội, tàn phá mùa màng, cuốn trôi nhà cửa, gia súc, gây ngập úng diện rộng một số khu vực ở đồng bằng sông Cửu Long, lũ quét ở miền núi và đe dọa tính mạng con người</p> <p><i>b. Sông ngòi nước ta đang bị ô nhiễm</i></p> <p>* Nguồn nước sông đang bị ô nhiễm, nhất là sông ở các thành phố, các khu công nghiệp, các khu tập trung đông dân cư</p> <p>- Nguyên nhân: mất rừng, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt.</p>
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: HS xác định vị trí các sông trên lược đồ.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và thực hiện câu hỏi sau:

Xác định trên lược đồ các hệ thống sông lớn sau: Sông Mã, sông Hồng, sông Đà, sông Gâm, Sông Cả, sông Gianh, sông Cầu, sông Tiền, sông Hậu, sông Thương, sông Lô.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm lên xác định trên lược đồ. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về sông ngòi Việt Nam

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Quan sát con sông tại địa phương em đang sống, hãy nêu những nguồn lợi và các biện pháp để bảo vệ sự trong sạch của dòng sông.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....

.....

BÀI 34: CÁC HỆ THỐNG SÔNG LỚN Ở NƯỚC TA

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được đặc điểm ba vùng sông ngòi: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.
- Giải thích được sự khác nhau về chế độ nước, về mùa lũ của sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, lược đồ Các hệ thống sông lớn ở Việt Nam để trình bày đặc điểm của các hệ thống sông lớn ở nước ta.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam, lược đồ Các hệ thống sông lớn ở Việt Nam để trình bày đặc điểm của các hệ thống sông lớn ở nước ta
- Năng lực vận dụng kiến thức kỹ năng đã học: Đánh giá hiện trạng khai thác các nguồn lợi sông ngòi và giải pháp phòng chống lũ lụt ở nước ta.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Yêu mến, tự hào, có ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường nước và các dòng sông để phát triển kinh tế bền vững.

- Chăm chỉ: Tìm hiểu đặc điểm sông ngòi khác nhau của 3 khu vực khác nhau.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên Việt Nam.

- Bản đồ Các hệ thống sông lớn ở Việt Nam.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS dựa vào hình ảnh xác định tên các con sông và vị trí của nó.

c) Sản phẩm:

HS nêu được tên các con sông và vị trí phân bố: Sông Hồng ở miền Bắc; sông Thu Bồn ở miền Trung; sông Tiền ở miền Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết con sông tên gì và ở đâu trên đất nước ta?



Sông Thu Bồn



Sông Hồng



Sông Tiền

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chín hệ thống sông lớn ở nước ta (10 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được vị trí, tên gọi của chín hệ thống sông lớn ở nước ta.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p>	<p>I. Chín hệ thống sông lớn ở nước ta</p> <p>- Hệ thống sông Hồng</p>

<p>- Nhắc lại các khái niệm phụ lưu, chi lưu, lưu vực sông và hệ thống sông.</p> <p>- Quan sát lược đồ các hệ thống sông lớn ở nước ta xác định vị trí và lưu vực của chính hệ thống sông.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp và xác định trên lược đồ; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống sông Thái Bình - Hệ thống sông Kì Cùng- Bằng Giang - Hệ thống sông Mã - Hệ thống sông Cả - Hệ thống sông Thu Bồn - Hệ thống sông Bà - Hệ thống sông Đồng Nai - Hệ thống sông Mê Công <p>- Các khái niệm phụ lưu, chi lưu, lưu vực sông và hệ thống sông:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phụ lưu là các sông đổ nước vào một con sông chính + Chi lưu là các sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính. + Lưu vực sông là diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông. + Sông chính cùng với phụ lưu, chi lưu hợp thành hệ thống sông
--	--

Hoạt động 2 : Đặc điểm sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ (25 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được vị trí, tên gọi của các hệ thống sông lớn của mỗi vùng.
- Trình bày được đặc điểm ba vùng sông ngòi.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập.

	Sông ngòi Bắc Bộ	Sông ngòi Trung Bộ	Sông ngòi Nam Bộ
--	-------------------------	---------------------------	-------------------------

Các hệ thống sông lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Sông Hồng - Sông Thái Bình - Sông Kì Cùng - Bằng Giang - Sông Mã 	<ul style="list-style-type: none"> - Sông Cả - Sông Thu Bồn - Sông Đà Rằng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sông Đồng Nai - Sông Mê Công.
Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ nước theo mùa, thất thường. - Lũ tập trung nhanh và kéo dài tới 5 tháng (từ tháng 6 đến tháng 10). - Các sông có dạng nan quạt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngắn và dốc, phân thành nhiều lưu vực nhỏ độc lập. - Lũ lên rất nhanh và đột ngột. - Mùa lũ tập trung từ tháng 9 đến tháng 12 (lũ vào thu đông). 	<ul style="list-style-type: none"> + Lượng nước lớn. + Chế độ nước khá điều hòa. + Mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ, phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong phiếu học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nhóm 1, 4: sông ngòi Bắc Bộ * Nhóm 2, 5: sông ngòi Trung Bộ * Nhóm 3, 6: sông ngòi Nam Bộ <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan</p>	<p>II. Đặc điểm sông ngòi Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ</p> <p>a. Sông ngòi Bắc Bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> + Chế độ nước theo mùa, thất thường, lũ tập trung nhanh và kéo dài do có mưa theo mùa, các sông có dạng nan. quạt. + Mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10. + Tiêu biểu cho hệ thống sông ngòi ở Bắc Bộ là hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình. <p>b. Sông ngòi Trung Bộ</p>

<p>sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>+ Thường ngắn và dốc, lũ muộn do mưa vào thu đông (từ tháng 9 đến tháng 12); lũ lên nhanh và đột ngột, nhất là khi gặp mưa và bão, do địa hình hẹp ngang và dốc.</p> <p>+ Tiêu biểu là hệ thống sông Mã, sông Cả, sông Thu Bồn, sông Ba (Đà Nẵng)</p> <p><i>c. Sông ngòi Nam Bộ</i></p> <p>+ Lượng nước lớn, chế độ nước khá điều hoà do địa hình tương đối bằng phẳng, khí hậu điều hòa hơn vùng Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ...</p> <p>+ Mùa lũ từ tháng 7 đến tháng 11.</p> <p>+ Có 2 hệ thống sông lớn là hệ thống sông Mê Công và hệ thống sông Đồng Nai.</p> <p>+ Sông Mê Công là hệ thống sông lớn nhất Đông Nam Á, chảy qua nhiều quốc gia. Sông Mê Công đã mang đến cho đất nước ta những nguồn lợi to lớn, sông cũng gây nên những khó khăn không nhỏ vào mùa lũ.</p>
---	--

Phiếu học tập

	Sông ngòi Bắc Bộ	Sông ngòi Trung Bộ	Sông ngòi Nam Bộ
Các hệ thống sông lớn			
Đặc điểm			

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

- Các thành phố Hà Nội bên sông Hồng, TP Hồ Chí Minh bên sông Sài Gòn, Đà Nẵng bên sông Hàn, Cần Thơ bên sông Hậu

- Nối các ô ở hệ thống sông lớn với các ô ở cột Tên sông chính cho đúng.

Hệ thống sông lớn	Đáp án	Tên sông chính
1. Hệ thống sông Hồng	1 - b	a. Sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam
2. Hệ thống sông Cửu Long	2 - d	b. Sông Thao, sông Lô, sông Đà
3. Hệ thống sông Thái Bình	3 - a	c. Sông Bé, sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây, sông Sài Gòn, sông La Ngà
4. Hệ thống sông Đồng Nai	4 - c	d. Sông Tiền, sông Hậu

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS nghe câu hỏi và trả lời:

- Các thành phố Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ nằm trên bờ những dòng sông nào?

- Nối các ô ở hệ thống sông lớn với các ô ở cột Tên sông chính cho đúng.

Hệ thống sông lớn	Đáp án	Tên sông chính
1. Hệ thống sông Hồng	1 -	a. Sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam
2. Hệ thống sông Cửu Long	2 -	b. Sông Thao, sông Lô, sông Đà
3. Hệ thống sông Thái Bình	3 -	c. Sông Bé, sông Đồng Nai, sông Vàm Cỏ Đông, sông Vàm Cỏ Tây, sông Sài Gòn, sông La Ngà
4. Hệ thống sông Đồng Nai	4 -	d. Sông Tiền, sông Hậu

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 1 phút suy nghĩ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về sông ngòi Việt Nam

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin và nêu ra 3 thuận lợi, 3 khó khăn, 3 biện pháp sống chung với lũ của người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 35: THỰC HÀNH VỀ KHÍ HẬU, THỦY VĂN VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Củng cố kiến thức về khí hậu, thủy văn Việt Nam, qua hai lưu vực sông Bắc Bộ và Trung Bộ.
- Nắm vững mối quan hệ nhân quả giữa mùa mưa và mùa lũ trên các lưu vực sông

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Rèn luyện kỹ năng về vẽ biểu đồ, phân tích các số liệu khí hậu, thủy văn

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Hoàn thành bài tập thực hành.
- Nhân ái: Có tinh thần tương thân, tương ái, chú ý đến thực hành trong lao động và học tập

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ sông ngòi Việt nam

- Biểu đồ khí hậu thủy văn Việt Nam

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết, sử dụng kỹ năng vẽ và phân tích biểu đồ; từ đó tạo hứng thú hiểu biết về mối quan hệ nhân quả giữa mùa mưa và mùa lũ trên các lưu vực sông

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS sắp xếp tên các con sông vào vị trí tương ứng.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành bảng thông tin

Khu vực	Sông ngòi bắc bộ	Sông ngòi trung bộ	Sông ngòi nam bộ
Tên con sông	Hồng, Đà, Mã, Kì Cùng – Bằng Giang, Thái Bình, Bưởi, Lô, Chảy	Thu Bồn, Đà Rằng, Cả, Giành	Đồng Nai, Vàm Cỏ Đông, Cửu Long, Bé, Sài Gòn

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp tên một số con sông. Các em HS sẽ sắp xếp vào khu vực tương ứng?

Hồng, Giành, Lô, Đà, Chảy, Thu Bồn, Đà Rằng, Đồng Nai, Vàm Cỏ Đông, Thái Bình, Kì Cùng – Bằng Giang, Mã, Cả, Bưởi, Cửu Long, Bé, Sài Gòn

Khu vực	Sông ngòi bắc bộ	Sông ngòi trung bộ	Sông ngòi nam bộ
Tên con sông			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm đôi và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Vẽ biểu đồ chế độ mưa dòng chảy Sông Hồng (25 phút)

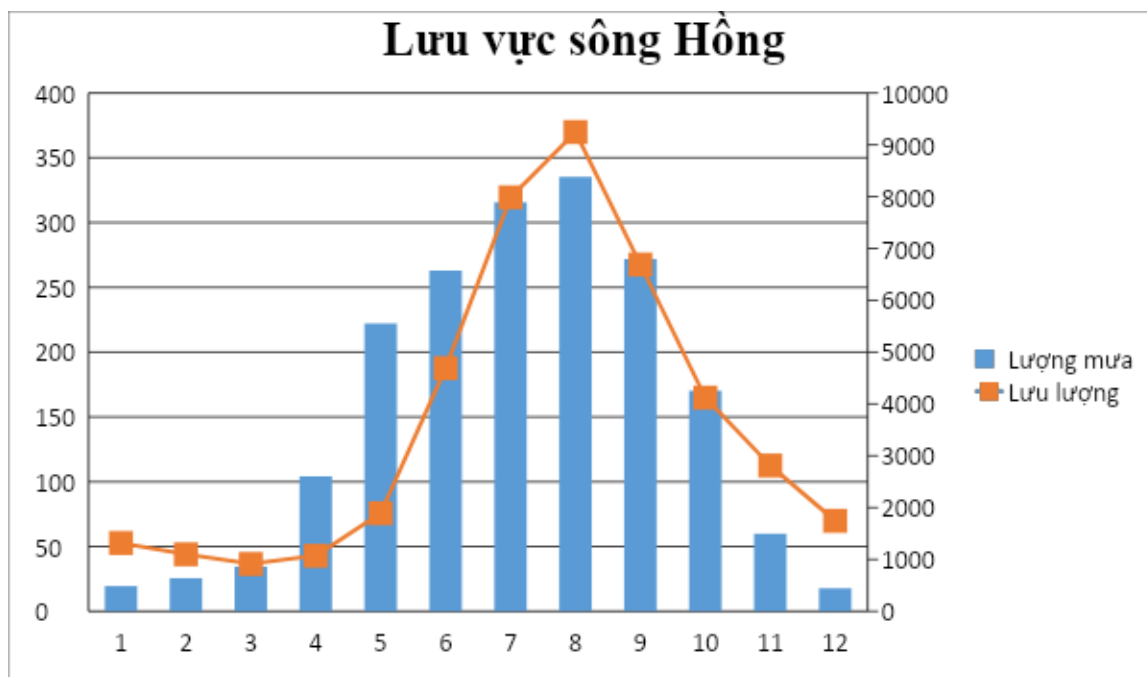
a) Mục đích:

- Nắm vững mối quan hệ nhân quả giữa mùa mưa và mùa lũ trên các lưu vực sông.
- Rèn luyện kỹ năng về vẽ biểu đồ, phân tích các số liệu khí hậu, thủy văn.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác bảng số liệu để vẽ biểu đồ

c) Sản phẩm:



d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS quan sát bảng 35.1 SGK cho học sinh qua bảng số liệu vẽ biểu đồ, giáo viên hướng dẫn cho học sinh.</p> <ul style="list-style-type: none">- Chọn tỷ lệ tương đối.- Thống nhất thang chia cho lưu vực sông để từ đó so sánh được thủy văn.- Vẽ kết hợp biểu đồ lưu lượng và lượng mưa, lượng mưa vẽ bằng hình cột, lưu lượng vẽ bằng đường.- Giáo viên cho HS vẽ biểu đồ <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trình bày kết quả</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và rút kinh nghiệm cho HS</p>	HS vẽ được biểu đồ

Hoạt động 2 : Tính lượng mưa trung bình và lưu lượng trung bình(10 phút)

a) Mục đích:

- Rèn luyện kỹ năng tính toán, phân tích các số liệu khí hậu, thủy văn.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi trong nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với phân tích bảng số liệu và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p>	<p>Tính thời gian mùa mưa và mùa lũ ở từng lưu vực</p> <p>1. Lưu vực sông Hồng</p>

<p>* Nhóm 1, 4: Tính lưu lượng trung bình, lượng mưa trung bình</p> <p>* Nhóm 2, 5: Tính số tháng của mùa mưa và mùa lũ</p> <p>* Nhóm 3, 6: Nhận xét về quan hệ giữa mùa mưa và mùa lũ trên từng lưu vực sông</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>+ Tổng lượng mưa: 1839,2 mm => Lượng mưa TB: $1839,2 : 12 = 153,2$ mm.</p> <p>+ Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10.</p> <p>+ Tổng lưu lượng dòng chảy: 43591 => Lưu lượng dòng chảy TB $43591 : 12 = 3632,5$ => Mùa lũ từ tháng 6 đến tháng 10</p> <p>2. Lưu vực sông Gianh</p> <p>+ Tổng lượng mưa: 2230,1 mm => Lượng mưa TB: $2230,1 : 12 = 185,8$ mm.</p> <p>+ Mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 11.</p> <p>+ Tổng lưu lượng dòng chảy: 740,4 => Lưu lượng dòng chảy TB $740,4 : 12 = 61,7$ => Mùa lũ từ tháng 9 đến tháng 11</p>
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) *Sản phẩm:* Đưa ra đáp án.

+ Thuận lợi: Bồi đắp phù sa, giao thông đường thủy thuận tiện, phục vụ tưới tiêu

+ Khó khăn: Ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân trong thời gian dài.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm. Quan sát và trả lời câu hỏi sau:



Lượng nước sông vào mùa lũ có ảnh hưởng như thế nào đến đời sống và xã hội người dân?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về sông ngòi ở địa phương

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Ở địa phương em, tháng nào mưa nhiều nhất và tháng nào mưa ít nhất? Chế độ mưa ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại địa phương? Lấy ví dụ chứng minh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới
-
-

BÀI 36: ĐẶC ĐIỂM ĐẤT VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của đất VN: Đa dạng, phức tạp. Các nhóm đất chính.
- Xác định được đặc tính, sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính ở nước ta. Nêu được một số vấn đề lớn trong sử dụng và cải tạo đất ở VN.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích lát cắt địa hình – thỏ nhưỡng để nhận biết giá trị các loại đất.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ các loại đất chính ở nước ta trình bày sự phân bố của các nhóm đất.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Đánh giá được vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở nước ta hiện nay.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Đề xuất các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm đất ở địa phương.
- Chăm chỉ: Biết được các đặc điểm và sự phân bố các loại đất ở Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ đất Việt Nam
- Ảnh phẫu diện đất hoặc mẫu đất tại địa phương

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát tranh 2 mẫu đất và nêu hiểu biết của mình về mẫu đất đó

c) *Sản phẩm:*

HS trình bày được sự phân bố 2 loại đất chính: đất phù sa phân bố vùng đồng bằng, hạ lưu các sông. Đất feralit phân bố ở vùng núi.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp tranh về 2 loại đất: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là đất gì? Phân bố ở khu vực nào?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm chung của đất Việt Nam (22 phút)

a) *Mục đích:*

- Trình bày được đặc điểm chung của đất Việt Nam đa dạng, phức tạp.
- Nêu được đặc tính, sự phân bố và giá trị kinh tế của các nhóm đất chính.

- Xác định được các nhóm đất chính trên bản đồ.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

*** Đất nước ta rất đa dạng, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của thiên nhiên Việt Nam**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Xác định các loại đất trên bản đồ? Nhận xét về đất Việt Nam?- Vì sao đất ở VN lại đa dạng? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Đặc điểm chung của đất Việt Nam</p> <p>a) Đất nước ta rất đa dạng, thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của thiên nhiên Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none">- Nước ta có nhiều loại đất khác nhau: Đất feralit, đất phù sa, đất mùn núi cao.- Tầng phong hóa dày, giàu chất dinh dưỡng- Nguyên nhân: Do nhiều nhân tố tạo thành: Đá mẹ, địa hình, khí hậu, thủy văn, sinh vật và sự tác động của con người. <p>b) Nước ta có 3 nhóm đất chính:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đất mùn núi cao: Tỷ lệ diện tích: 11%. Phân bố: vùng núi cao. Đặc tính: màu nâu đen, tươi xốp, giàu mùn.+ Đất feralit đồi núi thấp: Tỷ lệ 65%. Phân bố vùng đồi núi thấp. Đặc tính: chua, nghèo mùn, nhiều sét, dễ rửa trôi, kết von, màu đỏ vàng. Giá trị: trồng cây công nghiệp.

	+ Đất phù sa: Tỷ lệ 24%. Phân bố: vùng đồng bằng. Đặc tính: tơi xốp, giữ nước tốt, màu nâu. Giá trị: trồng cây lương thực, ăn quả...
--	---

*** Nước ta có 3 nhóm đất chính**

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nhóm 1, 4: Nhóm đất feralit * Nhóm 2, 5: Nhóm đất mùn núi cao * Nhóm 3, 6: Nhóm đất bồi tụ phù sa sông <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>* Nước ta có 3 nhóm đất chính</p> <p>Bảng thông tin</p>

*** Bảng thông tin:**

Nhóm đất	Đất Feralit	Đất mùn	Đất bồi tụ phù sa
Nơi phân bố	Vùng đồi núi thấp	Trên núi cao	Vùng đồng bằng, ven biển
Tỷ lệ diện tích	65%	11%	24%
Đặc tính chung và	-Chua, nghèo chất dinh dưỡng, nhiều sét.	- Hình thành dưới rừng cận	- Chiếm diện tích rộng lớn, phì nhiêu:

<p>giá trị sử dụng.</p>	<p>- Đất có màu đỏ vàng do chứa nhiều hợp chất sắt, nhôm, thường tích tụ kết vón thành đá ong => Đất xấu ít có giá trị đối với trồng trọt.</p> <p>- Đất hình thành trên đá Badan, đá vôi có màu đỏ sẫm hoặc đỏ vàng, có độ phì cao, thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp.</p>	<p>nhiệt đới hoặc ôn đới.</p> <p>- Có giá trị lớn đối với việc trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn</p>	<p>Toi, xốp, ít chua, giàu mùn...</p> <p>- Chia thành nhiều loại, phân bố ở nhiều nơi: Đất trong đê, đất ngoài đê, đất phù sa ngọt, đất mặn, đất chua phèn...</p> <p>- Nhìn chung rất thích hợp trồng lúa, hoa màu và cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày...</p>
-------------------------	--	---	--

Hoạt động 2 : Tìm hiểu vấn đề sử dụng và cải tạo đất (15 phút)

a) Mục đích:

- Nêu được thực trạng và nguyên nhân dẫn đến các vấn đề sử dụng đất ở Việt Nam hiện nay.
- Trình bày được một số biện pháp cải tạo và sử dụng đất hợp lí.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

<p>Hoạt động của GV và HS</p>	<p>Sản phẩm dự kiến</p>
-------------------------------	-------------------------

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đất có phải là tài nguyên vô tận không? Tại sao? - Thực trạng việc sử dụng đất ở địa phương chúng ta hiện nay như thế nào? - Chúng ta đã làm những gì để bảo vệ tài nguyên đất? - Hãy giải thích câu tục ngữ, ca dao sau:: "Tắc đất, tắc vàng". "Ai ơi! Chớ bỏ ruộng hoang. Bao nhiêu tắc đất, tắc vàng bấy nhiêu!" <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>II. Vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở Việt Nam:</p> <p>a. Vai trò: Đất là tài nguyên hết sức quý giá.</p> <p>b. Thực trạng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhiều vùng đất được cải tạo và được sử dụng có hiệu quả. + Tuy nhiên vẫn còn nhiều điều chưa hợp lí, tài nguyên đất bị giảm sút : 50% diện tích đất tự nhiên cần cải tạo, đất trống, đồi trọc bị xói mòn tới >10 triệu ha <p>c. Biện pháp bảo vệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng đất hợp lí, có hiệu quả, có biện pháp bảo vệ đất: chống xói mòn, rửa trôi, bạc màu vùng đồi núi; cải tạo chua mặn, phèn ở vùng đồng bằng ven biển
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án tùy theo tình hình của địa phương

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời câu hỏi sau:

Qua tìm hiểu thực tế, ở địa phương em có những loại đất nào? Giá trị sử dụng của loại đất đó? Vấn đề sử dụng đất của địa phương hiện nay như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về đất ở Việt Nam

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm một số câu ca dao, tục ngữ nói về đất, giá trị sử dụng của đất.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 37: ĐẶC ĐIỂM SINH VẬT VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam.
- Trình bày được những nét cơ bản về sự đa dạng của hệ sinh thái tự nhiên Việt Nam.
- Chứng minh được tính cấp thiết của vấn đề bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích tranh ảnh, bảng số liệu để chứng minh sự phong phú, đa dạng của sinh vật Việt Nam.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ thực vật và động vật để nhận xét, phân tích sự phân bố của của các loài động thực vật.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Đánh giá tình hình suy thoái tài nguyên sinh vật tại địa phương và đề xuất giải pháp.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Lên án các hành vi phá hoại môi trường rừng và săn bắt động vật hoang dã.
- Chăm chỉ: Tìm hiểu sự phân bố của sinh vật VN.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ sinh vật VN.
- Tranh ảnh địa lí về các kiểu sinh thái rừng VN

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát video và nêu lên nội dung của video

c) Sản phẩm:

HS nêu được sự đa dạng sinh học của Việt Nam được thể hiện qua số lượng động vật và thực vật.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp video: Quan sát video, em hãy cho biết sinh vật VN như thế nào?

https://www.youtube.com/watch?v=ys_Oikk-fjM

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Trình bày được đặc điểm chung của sinh vật Việt Nam.

b) *Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:* HS hoàn thành các câu hỏi

d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhận xét về đặc điểm chung của sinh vật ở nước ta?- Sự phong phú, đa dạng của sinh vật được thể hiện qua các yếu tố nào? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Đặc điểm chung</p> <ul style="list-style-type: none">- Sinh vật VN rất phong phú và đa dạng:+ Đa dạng về thành phần loài.+ Đa dạng về gen di truyền.+ Đa dạng về kiểu hệ sinh thái.+ Đa dạng về công dụng sinh học.

Hoạt động 2 : Tìm hiểu sự giàu có về thành phần loài sinh vật (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Chứng minh được sự giàu có về thành phần loài sinh vật.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Sự giàu có về thành phần loài sinh vật của VN thể hiện như thế nào?- Dựa vào vốn hiểu biết hãy nêu những nhân tố tạo nên sự phong phú về thành phần loài của sinh vật VN? Cho VD? <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>II. Sự giàu có về thành phần loài sinh vật</p> <ul style="list-style-type: none">- Có tới 14600 loài thực vật, trong đó có 350 loài thực vật quý hiếm- Có tới 11200 loài và phân loài động vật, trong đó có 365 loài động vật quý hiếm được ghi vào " Sách đỏ"

Hoạt động 3: Tìm hiểu sự đa dạng về hệ sinh thái (25 phút)

a) Mục đích:

- Kể tên được các hệ sinh thái ở nước ta và nơi phân bố của chúng.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 4: Nêu tên và sự phân bố các kiểu hệ sinh thái rừng ở nước ta? Tại sao hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa ở nước ta lại có nhiều biến thể?</p> <p>* Nhóm 2, 5: Hãy kể tên các vườn rừng Quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên trên lãnh thổ nước ta mà em biết? Các hệ sinh thái đó có giá trị như thế nào?</p> <p>* Nhóm 3, 6: Hãy kể tên các cây trồng, vật nuôi ở địa phương em? Các hệ sinh thái nông nghiệp ở địa phương em có giá trị gì? Rừng trồng và rừng tự nhiên có gì khác nhau?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>III. Sự đa dạng về hệ sinh thái</p> <p>a) Rừng ngập mặn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rộng hàng trăm nghìn ha - Phân bố: Vùng cửa sông và ven biển, ven hải đảo. - Chủ yếu là tập đoàn cây đước, sù, vẹt.. cùng với hàng trăm loài tôm, cua, cá... và chim, thú. <p>b) Rừng nhiệt đới gió mùa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có nhiều biến thể: + Rừng kín thường xanh: Cúc Phương, Ba Bể... + Rừng thưa rụng lá (rừng khộp): Tây Nguyên + Rừng tre, nứa: Việt Bắc + Rừng ôn đới núi cao: H Liên Sơn <p>c) Các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn rừng quốc gia</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ sinh thái rừng nguyên sinh: Ngày càng thu hẹp. Là nơi bảo vệ, phục hồi và phát triển những tài nguyên sinh học tự nhiên của nước ta. - Hệ sinh thái rừng thứ sinh, trảng cỏ, cây bụi: Đang ngày càng mở rộng. <p>d) Hệ sinh thái nông nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do con người tạo ra: Hệ sinh thái Nông - Lâm nghiệp như ruộng, vườn, ao, chuồng, hồ thủy sản hoặc rừng trồng cây lấy gỗ, cây công nghiệp...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

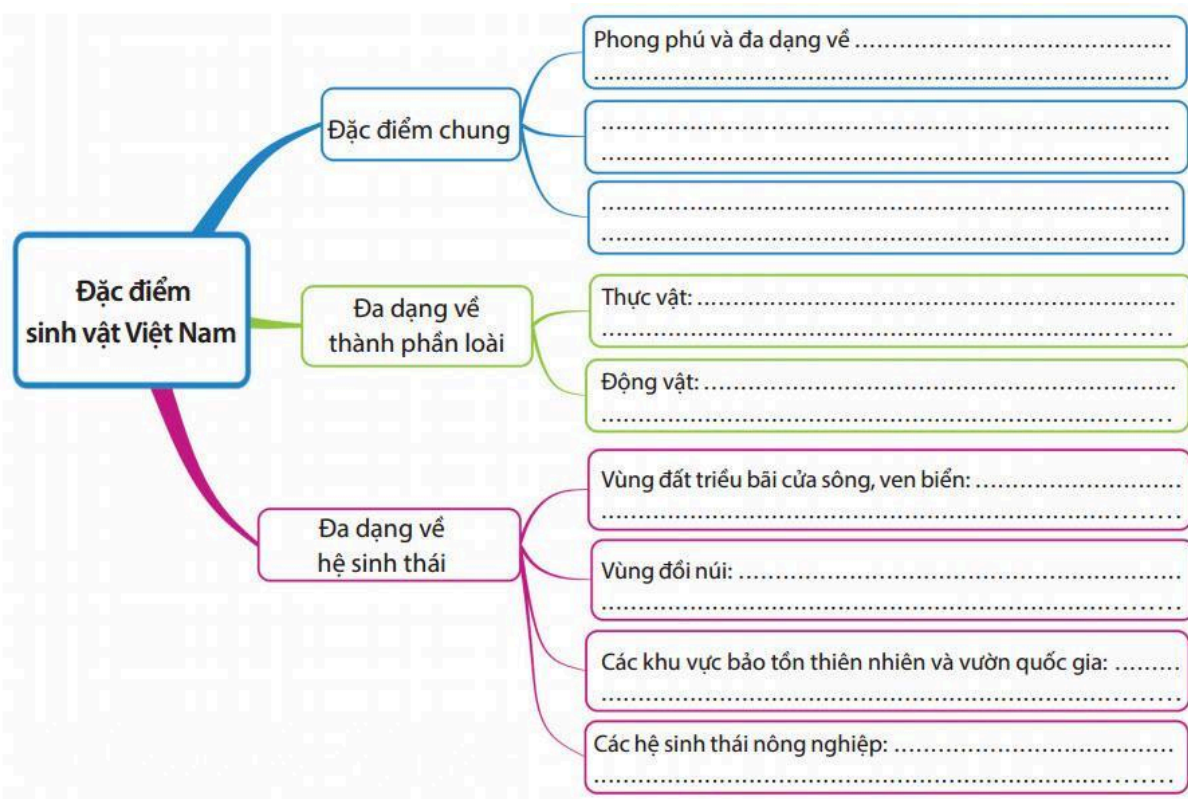
- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) *Nội dung*: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) *Sản phẩm*: Đưa ra đáp án dựa vào kiến thức bài học.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và hoàn thành sơ đồ tư duy sau:



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích*: Hệ thống lại kiến thức về sinh vật Việt Nam

b) *Nội dung*: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm*: Tìm hiểu về sinh vật ở địa phương.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Trong các hệ sinh thái *nông nghiệp, rừng ngập mặn, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng nhiệt đới gió mùa* ở địa phương em sống có hệ sinh thái nào? Hãy kể tên các vật nuôi và cây trồng điển hình của hệ sinh thái đó ở địa phương em.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
 - Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới
-
-

BÀI 38: BẢO VỆ TÀI NGUYÊN SINH VẬT VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Trình bày được giá trị của tài nguyên sinh vật nước ta.
- Phân tích được nguyên nhân của sự suy giảm của tài nguyên sinh vật nước ta.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích tranh ảnh của sinh vật Việt Nam.
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Sử dụng bản đồ thực vật và động vật để nhận xét, phân tích sự phân bố của của các loài động thực vật ở nước ta hiện nay.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Hiểu được thực tế về số lượng cũng như chất lượng nguồn tài nguyên sinh vật nước ta hiện nay.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Đề xuất các giải pháp bảo vệ, gìn giữ nguồn tài nguyên sinh vật nước ta.
- Chăm chỉ: Tìm hiểu giá trị của tài nguyên và các giải pháp bảo vệ tài nguyên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ sinh vật VN
- Tranh ảnh về một số loài động thực vật quý hiếm ở nước ta.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

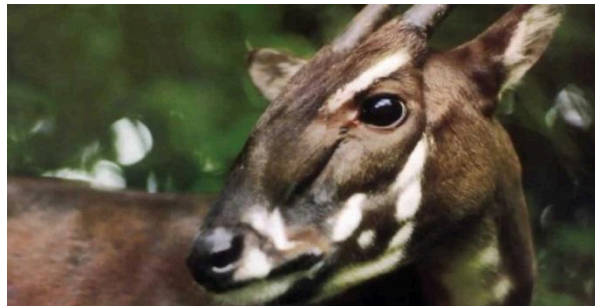
HS quan sát 1 số ảnh về động vật quý hiếm ở Việt Nam

c) Sản phẩm:

HS quan sát ảnh và đoán tên các loại động vật: bò tót, sao la, hổ, voọc mũi hếch

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh:
Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết tên của các loài động vật này?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giá trị của tài nguyên sinh vật (10 phút)

a) *Mục đích:*

Đánh giá được giá trị của tài nguyên sinh vật nước ta.

b) *Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:* HS hoàn thành các câu hỏi

d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp phân tích bảng thông tin và trả lời các câu hỏi:</p> <p>- Cho biết những giá trị của tài nguyên thực vật đối với kinh tế - xã hội?</p> <p>- Cho biết những giá trị của tài nguyên động vật đối với kinh tế - xã hội? Nêu một số sản phẩm lấy từ động vật rừng và biển mà em biết?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p>	<p>I. Giá trị của tài nguyên sinh vật</p> <p>- Có giá trị to lớn về nhiều mặt đối với kinh tế - xã hội.</p> <p>+ Thực vật: Bảng 38.1 sgk/133.</p> <p>+ Động vật: Giá trị kinh tế - xã hội cũng rất lớn: Cung cấp thực phẩm, dược liệu quý.</p> <p>* Cung cấp lâm sản cho công nghiệp chế biến, dược liệu; là Tài nguyên du lịch tự</p>

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.	nhiên hấp dẫn...Tài nguyên sinh vật có khả năng phục hồi.
Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.	

Hoạt động 2 : Tìm hiểu bảo vệ tài nguyên rừng và tài nguyên động vật (25 phút)

a) Mục đích:

- Đánh giá được hiện trạng và nguyên nhân của sự suy giảm của tài nguyên rừng và tài nguyên động vật nước ta.
- Đề xuất các giải pháp bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng, tài nguyên động vật.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và thực tế để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với kiến thức thực tế và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 3, 5:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho biết thực trạng tài nguyên thực vật rừng ở nước ta hiện nay như thế nào? - Những nguyên nhân nào đã làm suy giảm tài nguyên thực vật rừng ở nước ta? - Chúng ta đã có những biện pháp gì để bảo vệ nguồn tài nguyên này? <p>* Nhóm 2, 4, 6:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho biết thực trạng tài nguyên động vật rừng ở nước ta hiện nay như thế nào? 	<p>II. Bảo vệ tài nguyên rừng</p> <p>a) Thực trạng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích rừng nguyên sinh ngày càng giảm, tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt, chất lượng rừng ngày càng giảm sút. - Tỷ lệ che phủ rừng hiện nay rất thấp: Còn khoảng từ 33% -> 35% diện tích đất tự nhiên. <p>b) Biện pháp bảo vệ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách và luật để bảo vệ tài nguyên rừng.

<p>- Những nguyên nhân nào đã làm tài nguyên động vật ở nước ta ngày càng cạn kiệt đặc biệt một số động vật quý hiếm có nguy cơ diệt vong?</p> <p>- Chúng ta đã có những biện pháp gì để bảo vệ nguồn tài nguyên này?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Phần đầu tăng diện tích rừng trồng đến năm 2020 trồng mới hàng triệu ha rừng.</p> <p>III. Bảo vệ tài nguyên động vật</p> <p>a) Thực trạng</p> <p>- Con người đã hủy diệt nhiều loài động vật hoang dã, làm mất đi nhiều nguồn gen động vật quý hiếm.</p> <p>- Nguồn lợi thủy sản cũng giảm sút đáng lo ngại.</p> <p>b) Biện pháp bảo vệ</p> <p>- Có 365 loài động vật được đưa vào sách đỏ của VN cần được bảo vệ.</p> <p>- Thực hiện tốt chính sách pháp lệnh bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên động thực vật quý hiếm.</p>
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án.

Chứng minh tài nguyên sinh vật nước ta có giá trị to lớn về nhiều mặt:

+ Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống: Cung cấp lương thực, thực phẩm, dược liệu, sản phẩm xuất khẩu có giá trị kinh tế cao, tạo công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập, phục vụ nghiên cứu khoa học....

+ Bảo vệ môi trường sinh thái: Nguồn lợi sinh vật đa dạng, phong phú, có khả năng phục hồi và phát triển, làm cho đất nước ta mãi mãi xanh tươi và phát triển bền vững. Hạn chế các thiên tai: lũ, lụt, hạn hán, gió bão ..., cải thiện khí hậu....

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời các câu hỏi sau:

Chứng minh tài nguyên sinh vật nước ta có giá trị to lớn về nhiều mặt:

+ Phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống?

+ Bảo vệ môi trường sinh thái?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) Mục đích: Hệ thống lại kiến thức về sinh vật Việt Nam

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Thiết kế một sản phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Để thực hiện dự án mở rộng giao thông tại các đô thị, các nhà đầu tư đã đề xuất phương án chặt bỏ các cây xanh ven đường. Theo em việc chặt bỏ cây xanh có ảnh hưởng như thế nào đến khí hậu và không gian đô thị?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới
-
-

BÀI 40: THỰC HÀNH

ĐỌC LÁT CẮT ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN TỔNG HỢP

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- So sánh và giải thích được đặc điểm địa hình và khí hậu của khu vực Tây Bắc
- Đánh giá thế mạnh kinh tế đặc biệt của khu vực

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích lát cắt thấy được cấu trúc đứng, cấu trúc ngang của một lát cắt tự nhiên tổng hợp.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Phân tích được mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần tự nhiên: Địa chất, địa hình, khí hậu, thủy văn, thực vật...

- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Hiểu được sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên (đồi, núi, cao nguyên, đồng bằng,...) theo một tuyến cắt cụ thể dọc dãy Hoàng Liên Sơn từ Lào Cai - Thanh Hóa.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Hoàn thành bài thực hành.

- Chăm chỉ: Biết đọc lát cắt địa lí tự nhiên tổng hợp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Bản đồ địa lí tự nhiên VN

- Lát cắt tổng hợp sgk.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS nghe bài hát và thực hiện nhiệm vụ

c) Sản phẩm:

HS nghe bài hát và nêu được các nét đẹp được nhắc đến trong bài hát: Fanxipan hùng vĩ, Fanxipan tỏa sáng, Em gái H.mông đợi khèn bên suối, Đêm SaPa,...

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp cho HS nghe 1 đoạn nhạc của bài “ Phan Xi Păng – Tình yêu”: Sau khi nghe xong các em hãy nêu những nét đẹp được nhắc đến trong bài hát.

<https://www.nhaccuatui.com/bai-hat/phan-xi-pang-tinh-yeu-va.KIOdyS1LU5vR.html>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS nghe bài hát và trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Xác định tuyến cắt A-B trên lược đồ (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ, bản đồ, tính toán

b) *Nội dung:*

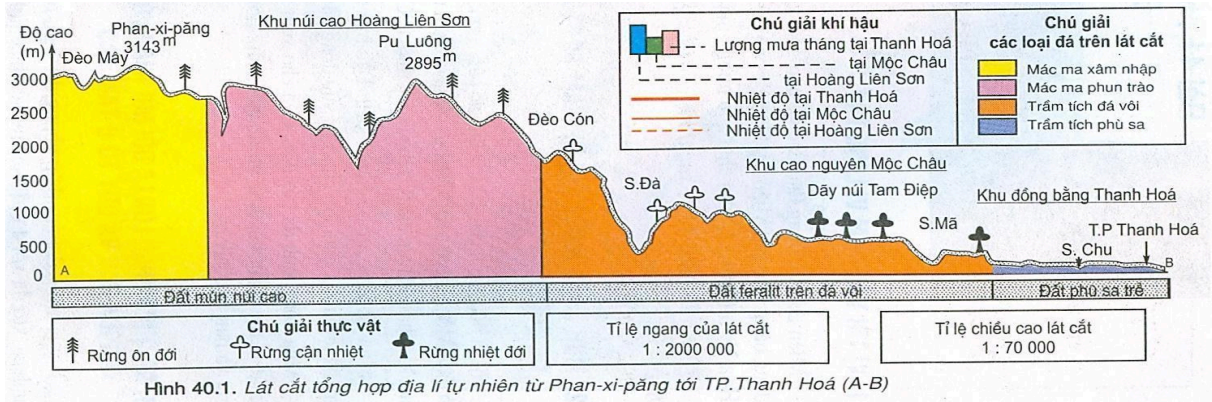
- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác hình 40.1 để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:*

d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát hình 40.1 và trả lời các câu hỏi:	* Xác định tuyến cắt A-B trên lược đồ:

<p>+ Hướng của lát cắt?</p> <p>+ Các khu vực địa hình đi qua?</p> <p>+ Độ dài thực tế của lát cắt theo tỉ lệ ngang?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Tuyến cắt chạy theo hướng: TB -> ĐN</p> <p>- Đi qua những khu vực địa hình: Khu núi cao Hoàng Liên Sơn -> Khu cao nguyên Mộc Châu -> Khu đồng bằng Thanh Hóa.</p> <p>- Độ dài của tuyến cắt: Tỉ lệ 1: 2000000 17,4 cm . 20 = 348 km</p>
--	---



Hoạt động 2 : Đọc lát cắt theo thành phần tự nhiên (15 phút)

a) Mục đích:

Rèn luyện kỹ năng phân tích hình ảnh, lược đồ.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát hình 40.1 để hoàn thành phiếu học tập.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các phiếu học tập

Khu vực	Núi cao Hoàng Liên Sơn	Khu CN Mộc Châu	Khu ĐB Thanh Hóa
Địa chất (đá mẹ)	Mắc ma xâm nhập, mắc ma phun xuất	Trầm tích đá vôi	Trầm tích phù sa
Địa hình	Núi cao trên dưới 3000m	Đồi núi thấp cao TB <1000m	Thấp, bằng phẳng, độ cao TB <50m
Khí hậu	Ôn đới	Cận nhiệt, nhiệt đới.	Nhiệt đới
Đất	Mùn núi cao	Feralit trên núi đá vôi	Phù sa trẻ
Kiểu rừng	Ôn đới	Cận nhiệt -> nhiệt đới.	Ngập mặn ven biển

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát hình 40.1 và hoàn thành phiếu học tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Nhóm 1, 4: Khu núi cao Hoàng Liên Sơn * Nhóm 2, 5: Khu CN Mộc Châu * Nhóm 3, 6: Khu ĐB Thanh Hóa <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p>	<p>* Đọc lát cắt theo từng thành phần tự nhiên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có những loại đá, loại đất, nơi phân bố - Những kiểu rừng và sự phát triển trong những điều kiện tự nhiên khác nhau.

BƯỚC 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.

BƯỚC 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

+ Khu núi cao Hoàng Liên Sơn: đất mùn núi cao; đá mácma xâm nhập, đá mácma phun trào.

+ Khu cao nguyên Mộc Châu: đất feralit trên đá vôi; đá trầm tích đá vôi.

+ Khu đồng bằng Thanh Hóa: đất phù sa trẻ; đá trầm tích phù sa.

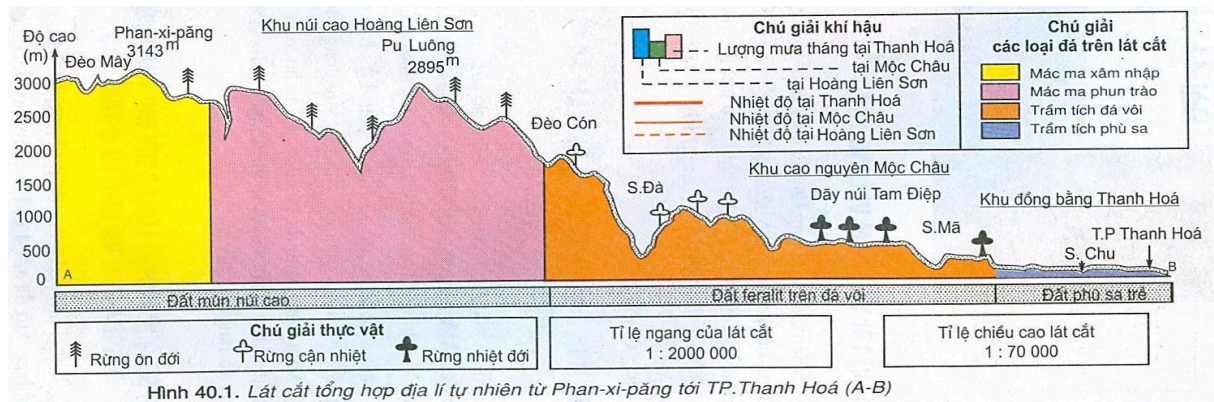
- Có 3 kiểu rừng:

+ Rừng ôn đới: phát triển trong điều kiện khí hậu lạnh quanh năm.

+ Rừng cận nhiệt: phát triển trong điều kiện khí hậu cận nhiệt vùng núi, lượng mưa và nhiệt độ thấp.

+ Khí hậu cận nhiệt vùng núi, lượng mưa và Rừng nhiệt đới: phát triển trong điều kiện khí hậu cận nhiệt độ thấp.

+ Hệ sinh thái nông – lâm nghiệp: phát triển trong điều kiện nhiệt độ, lượng mưa cao.



Hình 40.1. Lát cắt tổng hợp địa lí tự nhiên từ Phan-xi-păng tới TP. Thanh Hoá (A-B)

Phiếu học tập

Khu vực	Núi cao Hoàng Liên Sơn	Khu CN Mộc Châu	Khu ĐB Thanh Hóa
Địa chất (đá mẹ)			
Địa hình			
Khí hậu			
Đất			
Kiểu rừng			

Hoạt động 3: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa (15 phút)

a) Mục đích:

Phân tích bảng nhiệt độ và lượng mưa để nhận xét sự khác biệt về khí hậu của các địa điểm

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và phân tích bảng 40.1 để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập

Khu vực	Núi cao Hoàng Liên Sơn	CN Mộc Châu	ĐB Thanh Hóa
Nhiệt độ TB năm	12,8 ⁰ C	18,5 ⁰ C	23,6 ⁰ C
- Thấp nhất	Tháng 1: 7,1	Tháng 1: 11,8	Tháng 1: 17,4 ⁰ C
- Cao nhất	Tháng 6,7,8: 16,4	Tháng 7: 23,1	Tháng 6,7: 28,9
Lượng Mưa TB	3553mm	1560mm	1746mm
- Thấp nhất	Tháng 1: 64	Tháng 12: 12	Tháng 1: 25mm
- Cao nhất	Tháng 7: 680	Tháng 8: 331	Tháng 9: 396
Kết luận chung về khí hậu 3 trạm.	T ⁰ thấp lạnh và mưa nhiều quanh năm.	Mùa đông lạnh, ít mưa. Mùa hạ nóng, mưa nhiều.	T ⁰ TB cao. Mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ nóng. Mưa nhiều cuối hạ sang thu.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với phân tích bảng 40.1 và hoàn thành phiếu học tập:</p> <p>* Nhóm 1, 4: Khu núi cao Hoàng Liên Sơn</p> <p>* Nhóm 2, 5: Khu CN Mộc Châu</p> <p>* Nhóm 3, 6: Khu ĐB Thanh Hóa</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p>	<p>* Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa => Rút ra nhận xét:</p> <p>- Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của 3 trạm khí tượng Hoàng Liên Sơn, Mộc Châu, Thanh Hóa => Rút ra nhận xét sự khác nhau về khí hậu ở 3 trạm.</p> <p>* Sự khác biệt khí hậu:</p> <p>- Khu núi cao Hoàng Liên Sơn:</p> <p>+ Nhiệt độ tb năm: 12,8⁰C.</p>

<p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>+ Lượng mưa trong năm: 3553mm. Mùa mưa kéo dài 7 tháng; mùa khô kéo dài 5 tháng.</p> <p>=> Khí hậu ôn đới gió mùa núi cao.</p> <p>- Khu cao nguyên Mộc Châu:</p> <p>+ Nhiệt độ tb năm: 18,5^oC.</p> <p>+ Lượng mưa trong năm: 1560mm. Mùa mưa và mùa khô bằng nhau (6 tháng)</p> <p>=> Khí hậu cận nhiệt gió mùa núi cao.</p> <p>- Khu đồng bằng Thanh Hóa:</p> <p>+ Nhiệt độ tb năm: 23,6^oC.</p> <p>+ Lượng mưa trong năm: 1746mm. Mùa mưa và mùa khô rõ rệt.</p> <p>=> Khí hậu nhiệt đới gió mùa.</p>
--	---

Phiếu học tập

Khu vực	Núi cao Hoàng Liên Sơn	CN Mộc Châu	ĐB Thanh Hóa
Nhiệt độ TB năm - Thấp nhất - Cao nhất			
Lượng Mưa TB - Thấp nhất - Cao nhất			
Kết luận chung về khí hậu 3 trạm.			

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) *Mục đích:*

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) *Sản phẩm:* Đưa ra đáp án.

*** Tổng hợp điều kiện địa lí tự nhiên của từng khu vực:**

- Khu núi cao Hoàng Liên Sơn:

+ Địa hình: núi trung bình và núi cao trên 2.000 – 3.000m.

+ Khí hậu: lạnh quanh năm, mưa nhiều.

+ Đất: mùn núi cao.

+ Đá: mácma xâm nhập và phun trào.

+ Rừng: ôn đới trên núi.

- Khu cao nguyên Mộc Châu:

+ Địa hình: núi thấp <1000m.

+ Khí hậu: cận nhiệt vùng núi, lượng mưa và nhiệt độ thấp.

+ Đất: feralit nâu đỏ trên núi đá vôi.

+ Đá: vôi là chủ yếu

+ Rừng: cận nhiệt và nhiệt đới.

- Khu đồng bằng Thanh Hóa:

+ Địa hình: thấp, bằng phẳng, được bồi tụ phù sa.

+ Khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa

+ Đất: phù sa

+ Rừng: Hệ sinh thái nông nghiệp.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm và thực hiện câu hỏi sau:

Tổng hợp điều kiện địa lí tự nhiên của từng khu vực: (Địa hình, khí hậu, đất, đá, thực vật)

- Khu núi cao Hoàng Liên Sơn

- Khu cao nguyên Mộc Châu

- Khu đồng bằng Thanh Hóa

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) Mục đích: Hệ thống lại kiến thức về

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Thiết kế một sản phẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu về địa phương em đang sống dựa vào các thông tin trong phiếu học tập dưới đây

PHIẾU HỌC TẬP

Nhóm:

1/ Địa phương em thuộc khu vực địa hình nào?

.....

2/ Ở địa phương em trong một năm có mấy mùa?

.....

3/ Loại cây nào được trồng phổ biến ở địa phương em?

.....

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

BÀI 41: MIỀN BẮC VÀ ĐÔNG BẮC BẮC BỘ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

Đánh giá được ý nghĩa vị trí và phạm vi lãnh thổ đặc biệt của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

- Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích các đặc điểm nổi bật về tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Dựa vào lược đồ tự nhiên xác định sự phân bố các dạng địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Bày tỏ quan điểm nhất trí trong định hướng phát triển vùng.
- Chăm chỉ: Phân tích các đặc điểm tự nhiên nổi bật của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với những vùng thường xuyên gặp nhiều khó khăn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ tự nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát video và nêu lên các địa danh du lịch nổi tiếng ở miền Bắc

c) Sản phẩm:

HS nêu được các địa danh trong video

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp video: HS theo dõi và ghi nhận lại những địa điểm du lịch nổi tiếng của miền.

<https://www.youtube.com/watch?v=ikdrcAYWzhs>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát video và trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí và phạm vi lãnh thổ (7 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ của miền
- Đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội và hình thành đặc điểm tự nhiên của miền.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành bảng thông tin

+ Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ gồm có 2 bộ phận là: Khu đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.

+ Vị trí địa lí: Nằm tiếp liền với ngoại chí tuyến Bắc và á nhiệt đới Hoa Nam (Trung Quốc)

- Ranh giới tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp Trung Quốc.

+ Phía Tây Nam giáp Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

+ Phía Đông Nam giáp biển Đông

- Kể tên các tỉnh của miền có đường biên giới chung với Trung Quốc: Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và hoàn thành bảng thông tin:</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ:</p> <p>- Bao gồm: Khu đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.</p> <p>- Nằm tiếp liền với ngoại chí tuyến Bắc và á nhiệt đới Hoa Nam (Trung Quốc) nên chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió mùa cực đới</p>

* Bảng thông tin:

+ Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ gồm có 2 bộ phận là:

.....

+ Vị trí địa lí:

.....

- Ranh giới tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp:.....

.....

+ Phía Tây Nam giáp:

.....

+ Phía Đông Nam giáp:

.....

- Kể tên các tỉnh của miền có đường biên giới chung với Trung Quốc

.....

Hoạt động 2: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và TNTN của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ (28 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ

- Nêu những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế và đời sống.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi nhóm

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 5:</p> <p>1/ Tính chất nhiệt đới biểu hiện ở nước ta như thế nào?</p> <p>2) Vì sao tính chất nhiệt đới bị giảm sút mạnh mẽ?</p> <p>+ Mùa đông ảnh hưởng của loại gió gì? cho thời tiết như thế nào?</p> <p>+ Mùa hạ ảnh hưởng của loại gió gì? cho thời tiết ra sao?</p> <p>3) Tính chất đó có thuận lợi - khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế?</p> <p>* Nhóm 2, 6:</p> <p>1) Nêu đặc điểm địa hình của miền?</p> <p>2) Xác định chỉ ra trên bản đồ các sơn nguyên đá vôi Hà Giang, Cao Bằng. Bốn dãy núi cánh cung lớn. Đồng bằng sông Hồng. Vùng quần đảo Vịnh Hạ Long.</p> <p>3) Quan sát H41.2 hãy cho biết:</p> <p>+ Núi có đặc điểm như thế nào? Chạy theo hướng chính nào?</p> <p>+ Nhận xét về hướng nghiêng chung của địa hình</p> <p>* Nhóm 3, 7:</p> <p>- Để phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng nhân dân ta đã làm gì? Việc làm đó đã làm biến đổi địa hình như thế nào?</p> <p>* Nhóm 4, 8:</p>	<p>II. Đặc điểm tự nhiên</p> <p>1/ Tính chất nhiệt đới bị giảm sút mạnh mẽ, mùa đông lạnh nhất cả nước</p> <p>- Nét nổi bật:</p> <p>a- Mùa đông lạnh giá, mưa phùn, gió bắc, lượng mưa nhỏ.</p> <p>- Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn</p> <p>->Thuận lợi sinh vật ưa lạnh cận nhiệt đới phát triển</p> <p>b- Mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.</p> <p>2/ Địa hình phần lớn là đồi núi thấp với nhiều cánh cung núi mở rộng về phía Bắc và quy tụ ở Tam Đảo.</p> <p>- Địa hình đồi núi thấp nhưng cũng khá đa dạng, đặc biệt là dạng địa hình Catxtơ độc đáo và 4 cánh cung lớn.</p> <p>- Có các cánh đồng nhỏ nằm giữa núi:</p> <p>3/ Tài nguyên tự nhiên phong phú, đa dạng và nhiều cảnh đẹp nổi tiếng</p> <p>- Giàu khoáng sản nhất so với cả nước: than, fe, thiếc, apatit,..</p> <p>- Nhiều cảnh đẹp nổi tiếng thu hút khách du lịch như vịnh Hạ Long , hồ Ba Bể, ...</p>

<p>- Cho biết miền có những nguồn tài nguyên nào ?</p> <p>- Miền có những trở ngại khó khăn gì về mặt tự nhiên ? Chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường giúp kinh tế bền vững?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án dựa vào hiểu biết của mình.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và trả lời nhanh các câu hỏi sau:

Điền tên các loại khoáng sản và các danh lam thắng cảnh ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Khoáng sản	Danh lam thắng cảnh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Hãy sưu tầm tư liệu và viết về một cảnh đẹp nào đó thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ mà e đã đến hoặc dự định sẽ đến trong tương lai.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV giới thiệu các địa điểm HS có thể tìm hiểu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....

BÀI 42: MIỀN TÂY BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Đánh giá được ý nghĩa vị trí và phạm vi lãnh thổ đặc biệt của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
- Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích các đặc điểm nổi bật về tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Dựa vào lược đồ tự nhiên xác định sự phân bố các dạng địa hình của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Bày tỏ quan điểm nhất trí trong định hướng phát triển vùng.

- Chăm chỉ: Phân tích các đặc điểm tự nhiên nổi bật của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với những vùng thường xuyên gặp nhiều khó khăn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát video và nêu lên các địa danh du lịch nổi tiếng ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

c) Sản phẩm:

HS nêu được các địa danh trong video

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp video: HS theo dõi và ghi nhận lại những địa điểm du lịch nổi tiếng của miền.

<https://www.youtube.com/watch?v=cdDdqEa114>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát video và trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí và phạm vi lãnh thổ (7 phút)

a) Mục đích:

- Xác định được vị trí và phạm vi lãnh thổ của miền
- Đánh giá được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với phát triển kinh tế - xã hội và hình thành đặc điểm tự nhiên của miền.

b) Nội dung:

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm:

- + Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có vị trí địa lí: hữu ngạn sông Hồng từ Lai Châu -> dãy Bạch Mã
- Ranh giới tiếp giáp:
 - + Phía Đông Bắc giáp miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ
 - + Phía Đông giáp Biển Đông
 - + Phía Tây giáp Lào
 - + Phía Bắc giáp: Trung Quốc
 - + Phía Nam giáp: Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

- Kể tên các tỉnh của miền có đường biên giới chung với Trung Quốc: Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên

- Kể tên các tỉnh của miền có đường biên giới chung với Lào: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và hoàn thành bảng thông tin</p> <p>BƯỚC 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>BƯỚC 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>BƯỚC 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>I. Vị trí, phạm vi lãnh thổ</p> <p>- Nằm ở hữu ngạn sông Hồng từ Lai Châu -> dãy Bạch Mã (Thừa Thiên Huế).</p>

+ Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có vị trí địa lí:

- Ranh giới tiếp giáp:

+ Phía Đông Bắc giáp:.....

.....

+ Phía Đông giáp:

+ Phía Tây giáp:

+ Phía Bắc giáp:

+ Phía Nam giáp:

- Kể tên các tỉnh của miền có đường biên giới chung với Trung Quốc

- Kể tên các tỉnh của miền có đường biên giới chung với Lào

Hoạt động 2: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và TNTN của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ (28 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

- Nêu những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế và đời sống.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi nhóm.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm: * Nhóm 1, 5: 1) Chứng minh đây là miền địa hình cao nhất VN?	II. Các điều kiện tự nhiên 1) Địa hình cao nhất Việt Nam - Là miền núi non trùng điệp, nhiều núi cao, thung lũng sâu. + Các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, so le nhau, xen giữa là các CN đá vôi đồ sộ.

<p>2) Xác định các CN lớn, các dãy núi cao và hướng của chúng?</p> <p>3) Đặc điểm địa hình như vậy ảnh hưởng gì tới khí hậu, thực vật?</p> <p>* Nhóm 2, 6:</p> <p>1) Nêu đặc điểm cơ bản của khí hậu?</p> <p>2) Tại sao mùa đông trong miền lại ngắn hơn và ấm hơn so với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?</p> <p>* Nhóm 3, 7:</p> <p>- Miền TB và BTB có tài nguyên gì? Thuận lợi phát triển ngành kinh tế nào?</p> <p>- So sánh vấn đề khai thác tài nguyên của miền với miền Bắc và ĐBBB?</p> <p>* Nhóm 4, 8:</p> <p>- Những thiên tai thường xảy ra ở miền TB và BTB như thế nào?</p> <p>- Để phát triển kinh tế bền vững miền TB và BTB phải làm gì để bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>+ Dãy Hoàng Liên Sơn: Là dãy núi cao và đồ sộ nhất VN, đỉnh Phan-xi-phăng cao nhất 3414m.</p> <p>+ Duyên hải Bắc Trung Bộ các dãy núi lan sát biển, xen với đb chân núi và các cồn cát trắng => Tạo các cảnh quan đẹp và đa dạng.</p> <p>- Sông ngòi ngắn, dốc, lắm thác ghềnh.</p> <p>- Khí hậu - sinh vật: Phân hóa theo độ cao. Có đủ các vành đai từ nhiệt đới chân núi -> ôn đới trên núi cao.</p> <p>2) Khí hậu đặc biệt do tác động của địa hình:</p> <p>- Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm.</p> <p>+ Miền núi thường chỉ kéo dài trong 3 tháng (tháng 12,1,2).</p> <p>+ Nhiệt độ cũng thường cao hơn so những nơi có cùng độ cao ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ từ 2 – 3 độ C.</p> <p>- Mùa hạ có gió Tây Nam khi vượt qua dãy Trường Sơn bị biến tính trở nên khô nóng (gió Lào)</p> <p>=> Mùa mưa có xu hướng chậm dần từ Tây Bắc , Bắc Trung Bộ.</p> <p>3) Tài nguyên tự nhiên phong phú, đa dạng được điều tra khai thác</p> <p>- Tài nguyên phong phú đa dạng, đặc biệt là tiềm năng thủy điện</p> <p>- Các tài nguyên của miền khai thác còn chậm.</p> <p>4) Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai</p> <p>- Khôi phục phát triển rừng là khâu then chốt.</p> <p>- Tích cực bảo vệ hệ sinh thái ven biển.</p> <p>- Sẵn sàng chủ động phòng chống thiên tai.</p>
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) *Sản phẩm*: Đưa ra đáp án dựa trên kiến thức đã học.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm và hoàn thành sơ đồ học tập sau.

Vị trí địa lí, lãnh thổ
Địa hình
Khí hậu
Sông ngòi
Khoáng sản
Sinh vật

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích*: Hệ thống lại kiến thức về miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

b) *Nội dung*: Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm*: Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Suru tầm hình ảnh và viết 1 đoạn thông tin phân tích tác động tiêu cực của thiên tai và các hiện tượng cực đoan đến sinh hoạt và sản xuất của người dân ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
 - Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
 - Chuẩn bị bài mới
-
-

BÀI 43: MIỀN NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Yêu cầu cần đạt :

- Đánh giá được ý nghĩa vị trí và phạm vi lãnh thổ đặc biệt của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
- Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của vùng.

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, lắng nghe/ phản hồi tích cực; giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích các đặc điểm nổi bật về tự nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
- Năng lực tìm hiểu địa lí: Dựa vào lược đồ tự nhiên xác định sự phân bố các dạng địa hình của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
- Năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học: Phân tích được những khó khăn và hạn chế của vùng từ đó đề xuất các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả hơn nữa thế mạnh vùng.

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Bày tỏ quan điểm nhất trí trong định hướng phát triển vùng.
- Chăm chỉ: Phân tích các đặc điểm tự nhiên nổi bật của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ
- Nhân ái: Thông cảm, sẻ chia với những vùng thường xuyên gặp nhiều khó khăn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên

- Lược đồ Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

2. Học sinh

- Sách giáo khoa, sách tập ghi bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)

a) Mục đích:

- Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới.

b) Nội dung:

HS quan sát 2 hình ảnh và cho biết sự khác biệt

c) Sản phẩm:

HS nêu được sự khác biệt trong khi đón tết ở 2 miền. Do khí hậu của 2 miền khác nhau nên thực vật khác nhau

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh: Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết sự khác biệt?



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, một học sinh trả lời, các học sinh khác nhận xét, bổ sung đáp án

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt thông tin và dẫn dắt vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu vị trí, phạm vi lãnh thổ của vùng (7 phút)

a) *Mục đích:*

- Xác định và mô tả được vị trí, phạm vi lãnh thổ của vùng.

b) *Nội dung:*

- HS dựa vào nội dung sách giáo khoa và khai thác lược đồ tự nhiên để trả lời các câu hỏi.

c) *Sản phẩm:* HS hoàn thành bảng thông tin

+ Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có vị trí địa lí: từ phía Nam dãy Bạch Mã đến Cà Mau.

- Ranh giới tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

+ Phía Tây giáp: Lào và Cam-pu-chia

+ Phía Đông giáp: Biển Đông

+ Phía Nam giáp: Biển Đông

- Diện tích miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chiếm 1/2 so với cả nước

d) *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và hoàn thành bảng thông tin:	I. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ:

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số HS trình bày kết quả; các HS khác nhận xét, bổ sung đáp án.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- Gồm toàn bộ phần phía Nam từ Đà Nẵng đến Cà Mau.</p> <p>- Gồm Tây nguyên, duyên hải nam trung bộ và ĐB Nam bộ</p>
--	--

+ Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có vị trí địa lí:

.....

- Ranh giới tiếp giáp:

+ Phía Bắc giáp:.....

.....

+ Phía Tây giáp:

+ Phía Đông giáp:

+ Phía Nam giáp:

- Diện tích miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chiếm so với cả nước

Hoạt động 2 : Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và TNTN của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ (28 phút)

a) Mục đích:

- Trình bày được đặc điểm về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.
- Nêu những thuận lợi và khó khăn về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế và đời sống.

b) Nội dung:

- Học sinh tìm hiểu kiến thức trong SGK và quan sát lược đồ để trả lời các câu hỏi.

c) Sản phẩm: Hoàn thành các câu hỏi nhóm.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên và hoàn thành các câu hỏi trong nhóm:</p> <p>* Nhóm 1, 4:</p> <p>1) Tại sao nói rằng Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là một miền nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc?</p> <p>2) Vì sao miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có chế độ nhiệt biến động và không có mùa đông lạnh như hai miền phía Bắc ?</p> <p>3) Vì sao mùa khô miền Nam có diễn ra gay gắt hơn so với hai miền ở phía Bắc ?</p> <p>* Nhóm 2, 5:</p> <p>- Trong miền có những dạng địa hình nào?</p> <p>+ Tìm những đỉnh núi cao trên 2000 m?</p> <p>+ Các cao nguyên badan?</p> <p>* Nhóm 3, 6:</p> <p>1) Miền NTB và Nam Bộ có những tài nguyên gì? Giá trị kinh tế như thế nào?</p> <p>2) Để phát triển bền vững, khi khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên chúng ta phải làm gì?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ, ghi kết quả ra</p>	<p>II. Các điều kiện tự nhiên</p> <p>1) Một miền nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc</p> <p>a) Từ dãy Bạch Mã (16⁰B) trở vào:</p> <p>- Nhiệt độ trung bình năm cao: >25⁰C. Biên độ nhiệt giảm rõ rệt, dao động 3 -> 7⁰C.</p> <p>b) Chế độ mưa không đồng nhất:</p> <p>- Khu vực duyên hải NT Bộ có mùa khô kéo dài, nhiều nơi bị hạn gay gắt, mùa mưa đến muộn và tập trung trong thời gian ngắn (tháng 10,11)</p> <p>- Khu vực Nam Bộ và Tây nguyên: Mùa mưa kéo dài 6 tháng từ tháng 5-> 10 chiếm 80% lượng mưa cả năm. Mùa khô thiếu nước nghiêm trọng.</p> <p>2) Trường Sơn nam hùng vĩ và đồng bằng nam bộ rộng lớn</p> <p>a) Trường Sơn nam:</p> <p>- Hình thành trên một miền bằng cổ được Tân Kiến Tạo nâng lên mạnh mẽ.</p> <p>- Là khu vực núi cao và cao nguyên rộng lớn, hùng vĩ.</p> <p>- Cảnh quan nhiệt đới trở nên đa dạng, nhưng có phần mát mẻ, lạnh giá của khí hậu miền núi và cao nguyên.</p> <p>b) Đồng bằng Nam Bộ</p> <p>- Hình thành và phát triển trên một miền sụt võng lớn được phù sa của các sông bồi đắp</p> <p>- Là vùng đồng bằng rộng lớn, chiếm >1/2 diện tích đất phù sa của cả nước.</p> <p>3) Tài nguyên phong phú và tập trung, dễ khai thác:</p> <p>a) Khí hậu - Đất đai:</p>

<p>giấy nháp; GV quan sát, theo dõi, gợi ý, đánh giá thái độ học tập của HS</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Đại diện một số nhóm HS lên bảng ghi kết quả của nhóm; nhóm HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>- K/h: Có mùa khô gay gắt nhưng nhìn chung khí hậu-đất đai thuận lợi cho sx nông - lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản với quy mô lớn.</p> <p>b) Tài nguyên rừng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong phú, nhiều kiểu loại sinh thái. Rừng phân bố rộng rãi từ miền núi Trường Sơn, Tây Nguyên tới các đồng bằng ven biển. - Diện tích rừng chiếm gần 60% diện tích rừng cả nước: Có nhiều sinh vật quý hiếm. <p>c) Tài nguyên biển:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng và có giá trị lớn. - Bờ biển NTB có nhiều vịnh nước sâu, kín để xây dựng các hải cảng - Thềm lục địa phía nam có nhiều dầu khí - Trên vùng biển còn có nhiều đảo yến giàu có, những đảo san hô, những ngư trường lớn: Hoàng Sa - Trường Sa, Ninh Thuận - Bình Thuận,...
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5 phút)

a) Mục đích:

- Giúp học sinh củng cố và khắc sâu nội dung kiến thức bài học

b) Nội dung: Vận dụng kiến thức bài học để đưa ra đáp án.

c) Sản phẩm: Đưa ra đáp án theo thực tế của mình.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV cho HS hoạt động theo nhóm 2 bạn chung bàn làm 1 nhóm, xem video và trả lời câu hỏi sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=pJwhwegDIOA>

Em có suy nghĩ gì khi xem video trên

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS có 2 phút thảo luận theo nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV mời đại diện các nhóm trả lời. Đại diện nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV chốt lại kiến thức của bài.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (2 phút)

a) *Mục đích:* Hệ thống lại kiến thức về miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ

b) *Nội dung:* Vận dụng kiến thức đã học hoàn thành nhiệm vụ.

c) *Sản phẩm:* Thiết kế một sản phẩm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ: Tìm kiếm thông tin và viết 1 bài thuyết trình về các địa điểm du lịch nổi tiếng ở Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS hỏi và đáp ngắn gọn. GV giới thiệu các địa điểm HS có thể tìm hiểu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV dặn dò HS tự làm ở nhà tiết sau nhận xét.

*** HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phân vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới

.....
.....